

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015



SOVI

bien hoa packaging jsc

GIẢI PHÁP BAO BÌ TOÀN DIỆN

MỤC LỤC



03 THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04 Thông điệp từ Chủ tịch

05 Sứ mệnh – Tầm nhìn



06 TỔNG QUAN CÔNG TY

06 Thông tin khái quát

10 Ngành nghề kinh doanh

12 Cơ cấu tổ chức

13 Định hướng phát triển

19 Rủi ro



23 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

24 Tình hình hoạt động kinh doanh

26 Danh sách Ban điều hành

30 Chính sách, số lượng cán bộ công nhân viên

32 Tình hình đầu tư thực hiện dự án

33 Tình hình tài chính

36 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

38 Báo cáo phát triển bền vững

41 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 42 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 45 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
 - 47 Kế hoạch hoạt động trong năm 2015
 - 49 Kế hoạch kinh doanh năm 2016-2020
- 50 Những thành tích đạt được trong năm 2015
- 51 Mục tiêu dài hạn



52 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 53 Hoạt động của HĐQT
- 53 Đánh giá HĐQT về hoạt động Công ty
- 53 Đánh giá HĐQT về Ban điều hành



54 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 55 Hội đồng quản trị
- 61 Ban kiểm soát
- 62 Các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS
- 64 Các giao dịch nội bộ



65 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



"Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa phấn đấu trở thành một trong ba nhà cung cấp bao bì giấy hàng đầu Việt Nam"

Trần Trang Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý vị cổ đông!

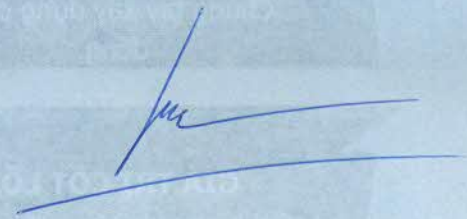
Năm 2015 đã qua trong điều kiện kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những kết quả ấn tượng. Thực tế, trong 4 năm vừa qua (2012 - 2015), Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước (năm 2012 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và năm 2015: 6,5%). Điều này phản ánh xu hướng phục hồi vững chắc của nền kinh tế sau nhiều năm gặp nhiều khó khăn ở hầu hết các lĩnh vực.

Về phía SOVI, vượt qua những khó khăn chung của thị trường, doanh nghiệp vẫn duy trì sự phát triển, tăng trưởng ổn định khi hoàn thành xuất sắc kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã đề ra. Bên cạnh đó, SOVI tiếp tục nằm trong TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam do tạp chí Forbes công bố và lần đầu tiên vào TOP 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế Năm 2015. Đây thật sự là những tín hiệu đáng mừng và tự hào của tập thể CTCP Bao Bì Biên Hòa khi không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Bước vào giai đoạn phát triển mới (2016 – 2020), khi Việt Nam hội nhập Cộng đồng ASEAN và TPP, là một thành phần của nền kinh tế, Công ty đã chuẩn bị và sẵn sàng tận dụng các cơ hội, biến những thách thức trở thành cơ hội mới để nâng sức cạnh tranh trong ngành bao bì nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cổ đông, tập thể CB-CNV và các đối tác luôn đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với sự tin nhiệm của cổ đông, SOVI sẽ duy trì tăng trưởng ổn định, giữ vững niềm tin với cổ đông và nâng cao uy tín trên thị trường.

Xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành công đến Quý vị cổ đông, khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên CTCP Bao Bì Biên Hòa.



Trần Trang Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**“Đến năm 2020, SOVI là 1 trong 03
nhà cung cấp Bao bì Giấy hàng
đầu của Việt Nam, có chất lượng
đảm bảo, giá cả phù hợp và dịch vụ
tốt nhất”**



TRIẾT LÝ KINH DOANH

Coi trọng chữ “tín”
Liên tục cải tiến
Môi trường làm việc cởi mở,
thân thiện
Tôn trọng pháp luật
Chung tay xây dựng cộng
đồng.

SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm Bao
bì Giấy đảm bảo chất lượng
với dịch vụ tốt nhất, áp dụng
công nghệ tiên tiến, làm việc
chuyên nghiệp, tạo thêm
nhiều giá trị gia tăng cho
khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Coi trọng chữ tín – Liên tục
cải tiến – Phát triển con
người – Xây dựng cộng
đồng.

TÂM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất,
cung cấp dịch vụ và giải
pháp Bao bì giấy đáng tin
cậy hàng đầu Việt Nam.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch** : CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
- Tên tiếng Anh** : BIEN HOA PACKAGING COMPANY
- Giấy CNĐKDN** : 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng kí lần đầu ngày 14/08/2003, thay đổi lần thứ 7 ngày 14/09/2015.
- Vốn điều lệ** : 128.324.370.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu** : 294.398.905.393 đồng
- Địa chỉ** : KCN Biên Hòa 1, Đường số 7, P. An Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
- Số điện thoại** : (84 – 061) 3 836 121 – 3 836 122
- Fax** : (84 – 061) 3 832 939
- Website** : www.sovi.com.vn
- Email** : sovi@sovi.com.vn
- Mã cổ phiếu** : SVI

•ĐÁNH DẤU SỰ HÌNH THÀNH CỦA SOVI

•Tiền thân là nhà máy sản xuất bao bì giấy gợn sóng đầu tiên tại miền Nam Việt Nam với công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, công suất thiết kế lên đến 4.000 tấn/năm.

1968

1978

•GIAI ĐOẠN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

•Nhà máy được Nhà nước tiếp quản và chuyển thành doanh nghiệp quốc doanh với tên là Nhà máy Bao bì Biên Hòa, và "SOVI" được lấy làm thương hiệu.

•GIAI ĐOẠN MỞ RỘNG

•Tiến hành đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để nâng công suất lên 20.000 tấn/năm và chính thức trở thành nhà sản xuất bao bì carton gợn sóng hàng đầu của Việt Nam.

1997

•Đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton với diện tích 4,5ha tại đường số 3, Khu công nghiệp Biên Hòa, nâng tổng công suất thiết kế sản phẩm lên 40.000 tấn/năm. Triển khai Hệ thống ERP với giải pháp Oracle E Business Suite.

2005 - 2007

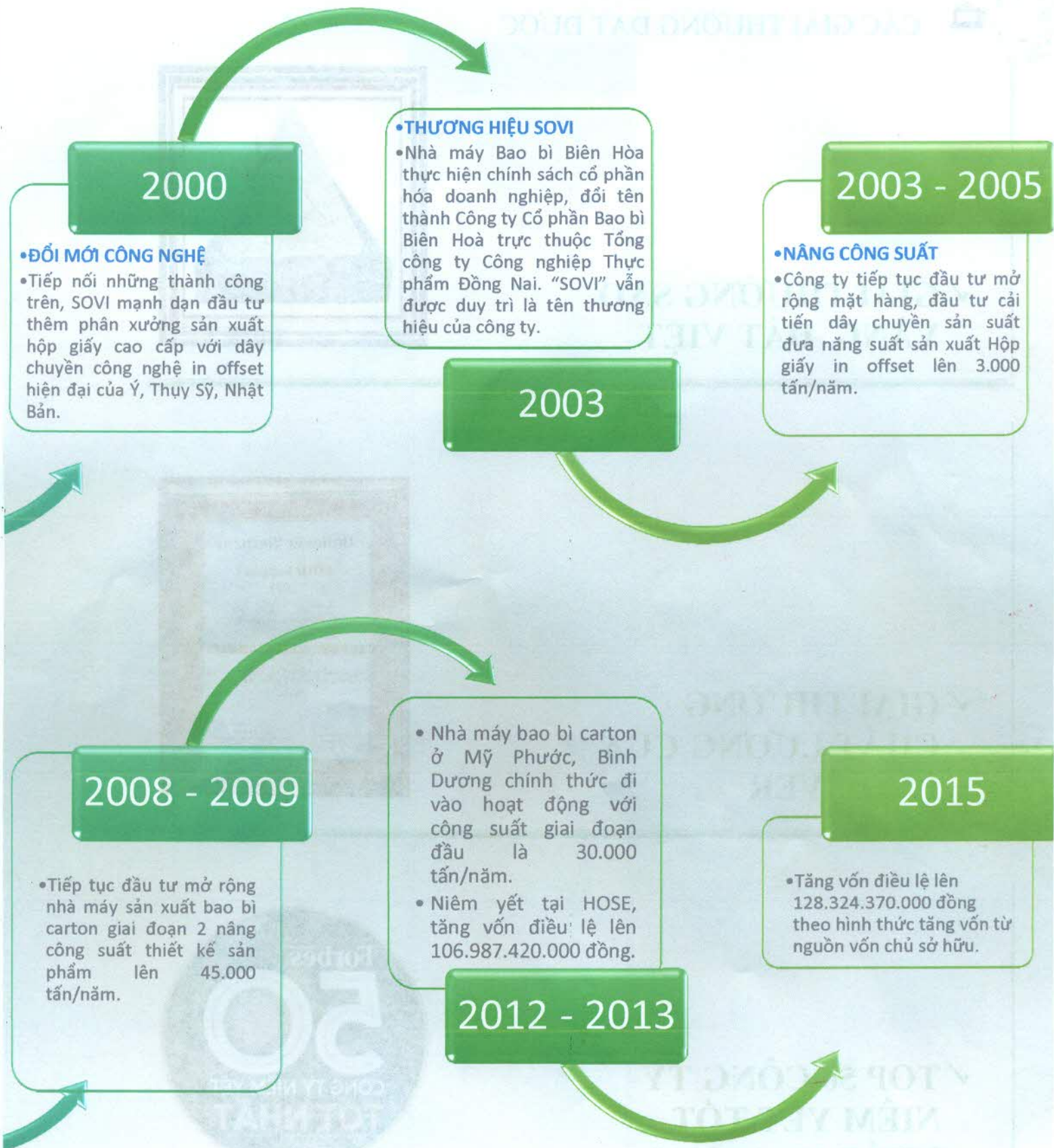
2008

• NIÊM YẾT TẠI HNX

• Công ty cổ phần Bao bì Biên Hòa niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

•SOVI tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng hộp giấy in offset lên công suất 7.000 tấn/năm

2008 - 2009





CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

✓ GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



✓ GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG CỦA UNILEVER



✓ TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT 2014 - 2015



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì (sản xuất giấy);
- Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh chính: **Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương** là một trong những thành phố có tốc độ **phát triển** và mức độ **hoàn thiện** về cơ sở hạ tầng **tốt nhất Việt Nam.**

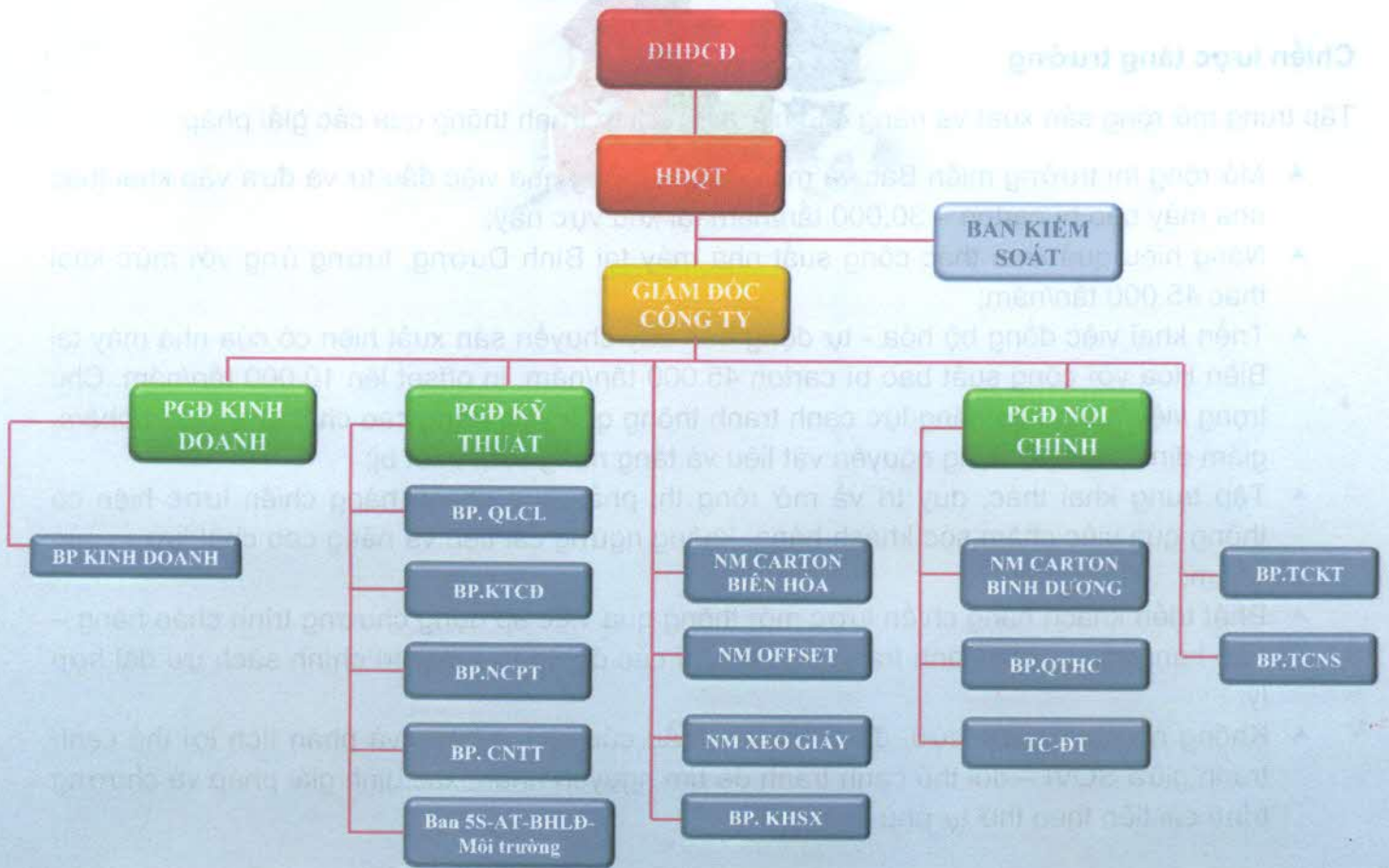
- **Trụ sở chính:** KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- **Nhà máy Bao bì In Offset**
KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- **Nhà máy xeo giấy**
Đường số 3, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- **Nhà máy bao bì carton Biên Hòa.**
Đường số 12, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- **Nhà máy bao bì giấy Bình Dương.**
KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương



TP. HCM ● BÌNH DƯƠNG ● ĐỒNG NAI

CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC



Công ty con, Công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tăng trưởng



Tập trung mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua các giải pháp:

- ▲ Mở rộng thị trường miền Bắc và miền Trung thông qua việc đầu tư và đưa vào khai thác nhà máy bao bì carton – 30.000 tấn/năm tại khu vực này;
- ▲ Nâng hiệu quả khai thác công suất nhà máy tại Bình Dương, tương ứng với mức khai thác 45.000 tấn/năm;
- ▲ Triển khai việc đồng bộ hóa - tự động hóa dây chuyền sản xuất hiện có của nhà máy tại Biên Hòa với công suất bao bì carton 45.000 tấn/năm, in offset lên 10.000 tấn/năm. Chú trọng việc nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm định mức sử dụng nguyên vật liệu và tăng năng suất thiết bị;
- ▲ Tập trung khai thác, duy trì và mở rộng thị phần của khách hàng chiến lược hiện có thông qua việc chăm sóc khách hàng, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm;
- ▲ Phát triển khách hàng chiến lược mới thông qua việc áp dụng chương trình chào hàng – bán hàng mang tính cạnh tranh cao so với các đối thủ và duy trì chính sách ưu đãi hợp lý.
- ▲ Không ngừng nghiên cứu, đánh giá nhu cầu của khách hàng và phân tích lợi thế cạnh tranh giữa SOVI – đối thủ cạnh tranh để tìm nguyên nhân, xác định giải pháp và chương trình cải tiến theo thứ tự phù hợp

Chiến lược dẫn đầu về dịch vụ khách hàng

Luôn duy trì và đảm bảo dịch vụ chăm sóc khách hàng ở mức tốt nhất và vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành dựa trên các tiêu chí

- ▲ Luôn giao hàng đúng giờ, đúng số lượng, đúng chất lượng, với tỷ lệ lên đến 99%. Luôn lắng nghe những phản ánh, góp ý để giải quyết kịp thời mọi vấn đề từ phía khách hàng. Chú trọng tư vấn và thiết kế mẫu mã sản phẩm đẹp, chất lượng và nhanh chóng;
- ▲ Phân công trách nhiệm cụ thể của từng bộ phận cá nhân trong việc phối hợp cung cấp, hỗ trợ khách hàng nhằm đạt hiệu suất cao nhất trong công việc. Ngoài ra, quan tâm phân tích và đánh giá chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty so với các đối thủ cùng ngành để qua đó cải tiến và vạch ra chiến lược cạnh tranh trong tương lai;



Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, hệ thống quản lý

Xây dựng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và định hướng phát triển của Công ty. Đặc biệt chú trọng xây dựng nhân sự là các chuyên gia về quản trị sản xuất, khoa học công nghệ để nâng tầm Công ty đủ sức cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài thông qua các giải pháp:

- ▲ Định kỳ đánh giá, rà soát Bảng mô tả công việc theo tiêu chí ASK, KPI cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ năng lực, đóng góp, trách nhiệm, nhiệm vụ, mối quan hệ, v.v... của từng thành viên trong Công ty; qua đó sắp xếp, tuyển dụng bổ sung và lựa chọn nhân lực phù hợp với chính sách đề ra của Công ty và đáp ứng yêu cầu của từng vị trí;
- ▲ Định kỳ soát xét hệ thống văn bản quản lý, tác nghiệp đang áp dụng dựa trên cơ sở cải tiến, nâng cấp và chuẩn hóa các quy trình để đáp ứng yêu cầu thay đổi ngày càng cao của thị trường, đặc biệt là áp dụng phù hợp với mục tiêu hiệu quả trong từng giai đoạn;
- ▲ Đầu tư phát triển đội ngũ CBCNV thông qua định kỳ đào tạo kiến thức, kỹ năng làm việc cho từng vị trí từ thấp đến cao. Qua đó mỗi thành viên trong SOVI luôn “thấu hiểu, làm được và làm đúng thường xuyên” các qui định, qui trình, tiêu chuẩn, hướng dẫn công việc đã được đề ra;
- ▲ Nuôi dưỡng nhân sự kế thừa chủ chốt, liên tục đào tạo hoặc gửi đi đào tạo nghiệp vụ, có kế hoạch tập sự định kỳ nhằm đánh giá góp ý cải tiến để sẵn sàng bổ sung vào các vị trí cần thiết;
- ▲ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, sạch sẽ và an toàn. Định kỳ khảo sát để cải tiến điều kiện làm việc; ngoài ra luôn quan tâm chế độ lương, thưởng và các phúc lợi cũng như duy trì văn hóa kỷ luật trong công ty.



Chiến lược sản xuất và tác nghiệp

Về con người

- Ưu tiên trong chiến lược sản xuất – tác nghiệp là soát xét, lựa chọn, tuyển dụng bổ sung để có đủ những con người phù hợp cho từng vị trí phù hợp, luôn trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác. Thường xuyên xem xét thực tế để hiểu tường tận tình hình công việc, suy nghĩ và phát biểu dựa trên các số liệu đã được bản thân kiểm tra.

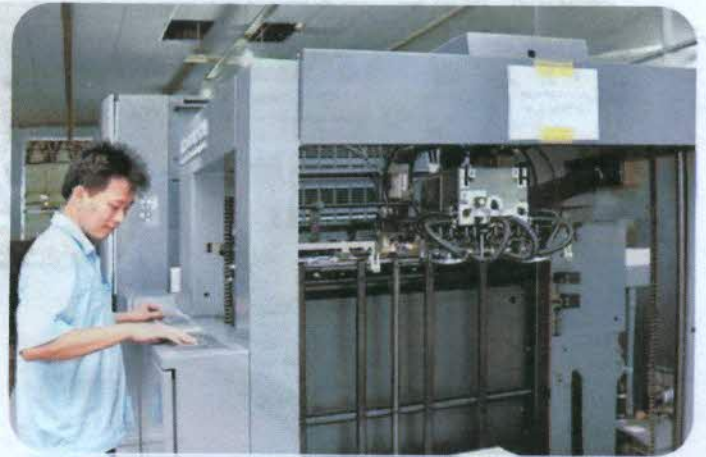


Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân

- Xây dựng quy trình và chuẩn hóa công nghệ để làm nền tảng cho việc cải tiến liên tục. Tiến hành đào tạo và hướng dẫn chuyên môn, chuyển giao đến từng vị trí công việc có liên quan nhằm đảm bảo có thể hiểu rõ và làm được một cách thường xuyên, từ đó từng bước tác nghiệp, từng thông số theo quy định của quy trình;
- Theo dõi và thống kê các sự cố công nghệ thường gặp trong quá trình sản xuất và xây dựng đầy đủ các hướng dẫn xử lý các sự cố. Tiến hành đào tạo, chuyển giao đến từng vị trí công việc nhằm có đủ kinh nghiệm kiến thức và kỹ năng giải quyết sự cố.

Về quản lý thiết bị và nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị

- Xây dựng qui trình quản lý từng thiết bị từ việc vệ sinh, bảo dưỡng, vận hành, và sửa chữa;
- Định kỳ tiến hành đại tu nhằm phục hồi và duy trì thiết bị để đạt các tiêu chuẩn của nhà cung cấp;
- Khảo sát để nhận diện và loại bỏ các lãng phí do thiết bị để xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, áp dụng phương pháp tính hiệu suất sử dụng thiết bị (OEE) cho từng khâu máy, phấn đấu nâng OEE lên 80%.



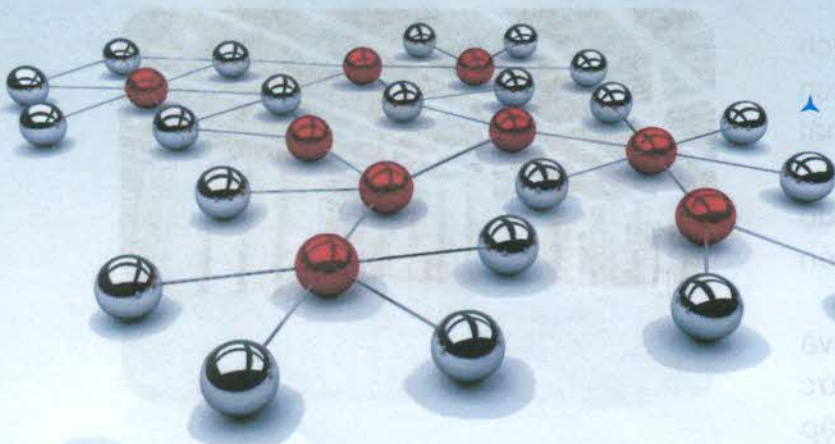
Về quản lý chất lượng trên chuyền và thành phẩm

- ▲ Xác định các tiêu chuẩn sản phẩm, bán sản phẩm, phương pháp kiểm tra, tần suất kiểm tra, hướng dẫn xử lý sự cố về chất lượng, hướng dẫn xử lý kết quả kiểm tra tại từng vị trí công việc trên chuyền và nội dung cần ghi chép về chất lượng trong biểu mẫu tại từng vị trí công việc;
- ▲ Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về chất lượng để có các cải tiến hoặc ban hành HĐKP-PN kịp thời. Yêu cầu từng NC chất lượng trong quá trình phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP-PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả và phải làm cho đến khi chắc chắn rằng NC đó không còn lặp lại nữa.



Về quản lý định mức sử dụng nguyên vật liệu:

- ▲ Định kỳ hàng năm tổ chức soát xét lại định mức cho tất cả nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất, việc xác định các số liệu định mức phải trên cơ sở: thiết bị, nguyên vật liệu, quy trình và con người được chuẩn hóa, hướng dẫn xử lý sự cố khi định mức vượt quá qui định và nội dung cần ghi chép về định mức trong biểu mẫu tại từng vị trí công việc;
- ▲ Theo dõi và kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về định mức để có các cải tiến hoặc HĐKP - PN kịp thời. Yêu cầu từng trường hợp vượt mức phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP - PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả.





Về quản lý tồn kho nguyên vật liệu, tồn bán thành phẩm trong xưởng và điều độ sản xuất hiệu quả

- ▲ Luôn theo dõi và nâng cao độ chính xác của dự báo bán hàng, dự trữ mua nguyên vật liệu, thời gian giao hàng của nhà cung cấp đặc biệt là giấy nhằm hạn chế đến mức thấp nhất chủng loại cũng như số lượng hàng tồn kho nguyên vật liệu;
- ▲ Kiểm tra và bảo dưỡng nhằm giảm thời gian và số lần hư máy đột xuất, nâng cao độ chính xác năng suất từng khâu, xây dựng phần mềm điều độ chi tiết, phân tích nguyên nhân tồn bán thành phẩm hàng ngày cao nhằm từng bước giảm bán thành phẩm tồn xưởng;
- ▲ Xây dựng các nguyên tắc sắp xếp lịch sản xuất từng khâu máy một cách điều độ, đảm bảo hiệu quả về chất lượng, định mức, năng suất, v.v... Hàng ngày phân tích hiệu quả điều độ nhằm tìm cơ hội cải tiến các nguyên tắc điều độ đã xác lập.
- ▲ Lập dự toán, phê duyệt, sử dụng và quyết toán chi phí nhằm từng bước giảm dần, loại bỏ lãng phí. Xác lập

trong việc sử dụng ngân sách cho từng bộ phận, phân xưởng trên cơ sở đảm bảo định mức đã ban hành. Hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong việc quản lý ngân sách;

- ▲ Thu thập và phân tích hằng ngày các dữ liệu có liên quan đến định mức nguyên vật liệu sử dụng, chi phí thuộc phạm vi quản lý của mình, nhằm tìm ra cơ hội giảm cũng như nguyên nhân làm cho chi phí tăng để có các chương trình khắc phục cũng như cải tiến cụ thể.





Đối với môi trường

Là một doanh nghiệp với sản phẩm chính là bao bì giấy, có thể thay thế bao bì nhựa và kim loại, do đó vấn đề về môi trường là yếu tố luôn được SOVI quan tâm và chú trọng. Đây chính là định hướng phát triển bền vững của SOVI trong tương lai. SOVI luôn đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về các vấn đề môi trường. Bằng những hành động cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của từng thành viên trong tổ chức.



Đối với xã hội và cộng đồng

Với nhận thức trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng là một phần quan trọng trong các hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV luôn tích cực tham gia, hưởng ứng và đóng góp cho các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển thật bền vững, tiến bộ thông qua các hoạt động từ thiện mang tính xã hội như: ủng hộ người nghèo, tặng quà cho các trẻ em nghèo vượt khó; nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ kinh phí chăm lo công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn xuân 2016, v.v... Trong năm 2015, SOVI đã chi cho các hoạt động xã hội khoảng 1.010.300.000 đồng.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trong bối cảnh kinh tế Thế giới đang trên đà phục hồi, với nhiều màu sắc và tốc độ khác nhau, các tổ chức tài chính quốc tế cũng liên tục đưa ra các điều chỉnh “giảm” đối với tốc độ tăng trưởng của kinh tế Thế giới và hầu hết các nước. Nền kinh tế của Hoa Kỳ và Tây Âu khôi phục không vững chắc, trong đó Hoa Kỳ đang tăng trưởng chậm lại. Kinh tế Trung Quốc cũng đang bước vào thời kỳ điều chỉnh mang tính chiến lược một cách quyết đoán (giảm tốc độ tăng trưởng về quanh 7% từ mức trên 10%, nhưng tăng cường nhu cầu trong nước, đẩy mạnh đổi mới khoa học công nghệ, điều chỉnh tỷ giá linh hoạt hơn trong xu hướng quốc tế hóa đồng nhân dân tệ). Trong những tháng cuối năm 2015, Thế giới đang chứng kiến các sự kiện mất ổn định mới, làm tăng lên nỗi lo ngại ảnh hưởng xấu đến bức tranh chung của kinh tế thế giới trong trung hạn.

Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn nằm trong số ít quốc gia có tốc độ phục hồi ấn tượng. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,5%. Như vậy, trong 4 năm liên tiếp (2012-2015), tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước (năm 2012 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và năm 2015: 6,5%). Điều này phản ánh xu hướng phục hồi vững chắc của nền kinh tế sau những năm nền kinh tế gặp nhiều khó khăn trong hệ thống ngân hàng, khu vực doanh nghiệp, thị trường bất động sản và hoạt động đầu tư. Chỉ số giá tiêu dùng CPI cũng đang ở mức rất thấp; tỷ lệ lạm phát cả năm 2015 thấp hơn so với mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, nền kinh tế cũng đạt được những bước tiến tích cực về xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, đưa tỷ lệ nợ xấu về dưới 3% trong năm 2015 và khu vực doanh nghiệp.

Bên cạnh những nhân tố khởi sắc, kinh tế đất nước cũng bộc lộ rõ những yếu kém và mất cân đối mới khi nền kinh tế đang cơ cấu lại, những vấn đề tồn đọng có thể gây nên những bất ổn kinh tế vĩ mô. Trong khi cán cân thương mại sau 3 năm (2012-2014) thặng dư nhẹ thì sang năm 2015 có chiều hướng thâm hụt trở lại như thời kỳ trước đây, cán cân thu chi ngân sách đã bị mất cân đối với quy mô lớn nhưng khó huy động nguồn bù đắp, nợ công đã vượt 60% GDP, v.v... Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nội địa đang phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay từ các ngân hàng là một trong những thách thức của Việt Nam, tỷ lệ đầu tư chỉ đạt 30-31% GDP, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao, sức ép nợ xấu còn nặng nề, năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp, v.v... sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động doanh nghiệp nói chung và hoạt động của CTCP Bao bì Biên Hòa nói riêng. Nhằm hạn chế tác động từ những bất ổn của nền kinh tế, SOVI luôn đề ra những chiến lược kinh doanh một cách thận trọng và linh hoạt đi kèm theo các phương án kinh doanh dự phòng nhằm đáp ứng với sự thay đổi của nền kinh tế.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro lãi suất

Lãi suất luôn là rào cản đối với hoạt động của mọi doanh nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Với đặc thù ngành là sản xuất bao bì chủ yếu cho các ngành công nghiệp chế biến và tiêu dùng nên thường xuyên phát sinh nhu cầu nguồn vốn tín dụng ngắn hạn, do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của SOVI. Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất cho vay đối với SOVI duy trì ở mức từ 4-6% đã giúp SOVI tháo gỡ được phần nào khó khăn do phải giảm giá bán để cạnh tranh với các đối thủ chính như Vĩnh Phong Du, Boypack, v.v... Mặt khác, để chủ động nguồn vốn trong kinh doanh, Công ty đã thực hiện việc đàm phán với khách hàng để rút ngắn thời hạn thu tiền trung bình từ 75 ngày xuống còn 60 ngày, đồng thời tăng thời hạn trả nợ từ 45 ngày lên 60 ngày, v.v... Chính điều này đã hạn chế những bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

RỦI RO CẠNH TRANH

Với sự tăng trưởng luôn đạt mức ổn định và tiềm năng phát triển lớn, cộng với rào cản thương mại thấp nên áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành bao bì giấy hiện nay rất cao. SOVI hiện là một trong 3 nhà cung cấp bao bì giấy có thương hiệu lớn của ngành, chuyên cung cấp sản phẩm bao bì giấy có chất lượng phù hợp với từng nhu cầu của mỗi khách hàng. Theo đó, việc thường xuyên đầu tư và nâng cấp trang thiết bị hiện đại, mở rộng dây chuyền sản xuất và nỗ lực tìm kiếm khách hàng luôn được Công ty thực hiện một cách nghiêm túc nhằm đảm bảo cung cấp nhanh chóng những sản phẩm chất lượng làm hài lòng khách hàng, góp phần củng cố và nâng cao vị thế doanh nghiệp. Từ đó ngày càng củng cố niềm tin vững chắc từ khách hàng, nhà cung cấp và các đối tác khác, từ đó đưa thương hiệu SOVI ngày một tăng cao trên thị trường.

Rủi ro tỷ giá

Hiện nay, cơ chế tỷ giá của nước ta chưa phản ánh được quy luật cung cầu của thị trường; tiền đồng vẫn còn neo chặt với đồng Mỹ kim nên chưa phản ánh đúng giá tiền đồng so với thực tế dễ dẫn đến rủi ro tỷ giá khi nền kinh tế có sự biến động. Với nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của SOVI chủ yếu được nhập từ nước ngoài cho nên khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Vì thế, Công sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trong nước phù hợp cũng như có phương án dự phòng hợp lý để hạn chế tối đa các tổn thất có thể xảy ra





RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Nhân lực luôn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Hiện nay, nguồn nhân lực cho ngành sản xuất nói chung và ngành bao bì giấy nói riêng thì nhiều nhưng trình độ chưa cao, cùng với tỷ lệ biến động số lượng cũng gây ra nhiều tổn thất cho công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn đặt chất lượng và gắn kết dài lâu làm tiêu chí tuyển dụng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, công bằng cùng những chính sách lương, thưởng hợp lý nên đã giữ được nhân sự gắn bó lâu dài vì sự phát triển vững bền của Công ty.



RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro ở trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty còn chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, v.v... đây là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của công ty. Theo đó, để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về PCCC và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty. Bên cạnh đó, những ảnh hưởng từ các loại thuế cũng tác động đến chi phí và lợi nhuận của Công ty. Chính sách thuế của Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện gây cho doanh nghiệp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình



RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay đang trong giai đoạn hoàn thiện, do vậy việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn, chông chéo trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sự điều chỉnh của các văn bản thuộc các lĩnh vực trên đôi lúc còn thiếu nhất quán, thiếu sự ổn định và đôi khi chưa đầy đủ, rõ ràng gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu nên hoạt động của SOVI cũng chịu tác động lớn từ các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, công bố thông tin, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra bất cứ lúc nào và bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều gây ra những ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro pháp luật, công ty giao nhiệm vụ cho Bộ phận tài chính kế toán và Ban kiểm soát nội bộ theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

Sovi – công nghệ vượt trội

Chất lượng là nền tảng

Khách hàng là tài sản vô giá

Sovi – giải pháp bao bì toàn diện!

TÌNH
HÌNH
HOẠT
ĐỘNG



bien hoa packaging jsc

Giải pháp bao bì toàn diện

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH**
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng tài sản	434.995	549.662	610.872	669.385	758.795
Tổng vốn chủ sở hữu	159.654	191.492	238.921	271.464	294.399
Nợ ngắn hạn	248.452	284.362	311.477	333.385	398.296
Nợ dài hạn	26.373	73.808	60.475	64.536	66.100

Đơn vị: tấn

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% Thực hiện so với kế hoạch 2015	% Tăng/ Giảm so với 2014
<i>Sản lượng (tấn)</i>					
Bao bì Carton	57.630	60.000	69.769	116,28	13,48
Bao bì in offset	5.920	6.500	6.257	96,26	5,69
Bao bì hộp	2.094	2.300	1.318	57,30	(37,06)

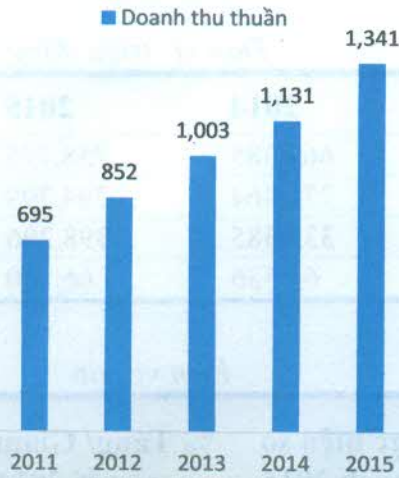
Đơn vị: triệu đồng

Tổng doanh thu	1.130.701	1.175.000	1.341.383	114,16	18,63
Đầu tư XDCB	20.200	60.000	50.442	84,07	149,71
TNBQ	10,83	11,00	12,24	111,13	1,13
LNTT	75.409	80.000	84.077	105,10	11,49
Nộp Ngân sách	42.754	41.504	45.966	107,51	10,75
Công tác xã hội	718	1.000	1.010	101,00	40,67

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu thuần	694.886	851.749	1.003.373	1.130.701	1.341.383
Lợi nhuận từ HĐKD	58.076	64.333	69.618	73.665	82.447
Lợi nhuận trước thuế	58.796	65.225	70.064	75.409	84.077
Lợi nhuận sau thuế	53.862	59.997	67.336	64.319	69.326

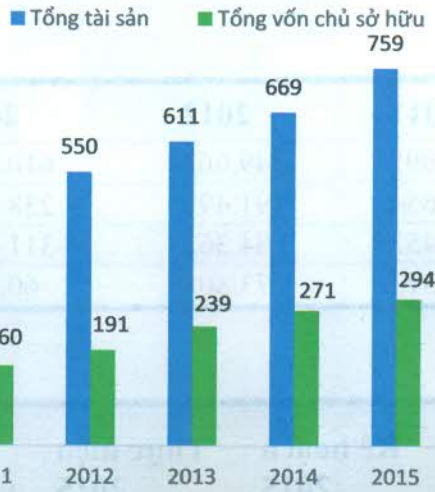
Tăng trưởng doanh thu thuần (tỷ đồng)



Doanh thu

Doanh thu năm 2015 đạt 1.341 tỷ đồng, tương ứng tăng 18,57% so với năm 2014. Đây là mức tăng trưởng nổi bật trong ngành bao bì nói riêng và các doanh nghiệp Việt Nam nói chung. Trong năm năm qua (2011- 2015), SOVI duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân là 17,91%. Điều này thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của từng cán bộ nhân viên cùng với sự đổi mới kịp thời công nghệ máy móc và chính sách bán hàng phù hợp của Công ty.

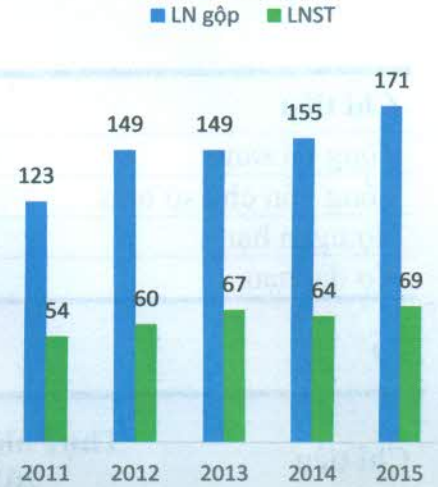
Tình hình tài sản (tỷ đồng)



Tình hình tài sản

Tính đến cuối năm 2015, tổng tài sản Công ty đạt 759 tỷ đồng, tăng 13,45% so với năm 2014. Đây là mức tăng trưởng tài sản phù hợp mà Công ty duy trì ổn định trong năm năm qua 15,12%. Mức tăng trưởng này đảm bảo cho việc nâng cấp máy móc thiết bị và mở rộng kinh doanh của Công ty.

Tăng trưởng lợi nhuận (tỷ đồng)



Lợi nhuận

Với mức tăng trưởng mạnh trong doanh thu, lợi nhuận gộp năm 2015 tăng 16 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,32% và đạt mức 171 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 69 tỷ đồng, tăng 5 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,8% so với thực hiện năm 2014. Công ty đã hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng đề ra. Đây là thành quả ấn tượng của CTCP Bao Bì Biên Hòa.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ QUỐC TUYẾN

Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 82.916 cổ phần

Quá trình công tác:

Từ 1979 – 1989:

Nhân viên, Phó phòng, quyền Trưởng phòng kỹ thuật Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 1989 – 08/2003:

Trợ lý giám đốc, Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2015:

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2016 đến nay: Giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa



Ông TRẦN TRANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 118.975 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 06/1995 – 09/1996:

Nhân viên kỹ thuật Công ty cổ phần gỗ Tân Mai.

Từ 09/1996 – 05/2002:

Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 06/2002 – nay: Phó giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2015: Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa

Từ 2016 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên hòa





Bà NGUYỄN THANH NGÂN

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 113.529 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 1979 – 1985:

Cán bộ kỹ thuật Sở công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Từ 1985 – 08/2003:

Phó phòng kế hoạch vật tư Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2004:

Thành viên HĐQT kiêm phó phòng kế hoạch vật tư CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2004 – 2015: Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2016 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa.



Ông PHẠM VĂN ĐIỀU

Phó Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 127.706 cổ phần

Quá trình công tác:

Từ 1/1991 – 6/1996:

Quản đốc phân xưởng và trợ lý giám đốc Công ty Gốm Đồng Nai.

Từ 07/1996 – 12/1996:

Phó phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 01/1997 – 06/1997:

Phó giám đốc nhà máy điện cơ Đồng Nai.

Từ 07/1997 – 03/2001:

Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh cao su Kenda Việt Nam.

Từ 04/2001 – 05/2002:

Trưởng phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 06/2002 – 08/2003:

Phó Giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – nay:

Phó giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa.



ĐẢNG SÁCH
BAN ĐIỀU HÀNH
(tiếp theo)



Ông NGUYỄN HOÀNG

Kế toán trưởng, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 6.829 cổ phần

Quá trình công tác

Từ 1999 – 2001:

Phó giám đốc kinh doanh Công ty TNHH SX-TM –DV Ngọc Tuấn.

Từ 2001 – 2003:

Kế toán trưởng nhà máy Đông Lạnh Cần Giờ.

Từ 2003 – 2005:

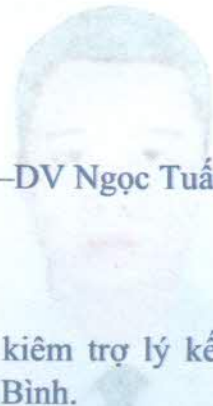
Kế toán trưởng Công ty TNHH Mộc Hòa Bình kiêm trợ lý kế toán trưởng Công ty CP XD và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình.

Từ 1/2006 – 12/2009:

Phó bộ phận tài chính kế toán CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 1/2010 – nay:

Trưởng bộ phận tài chính kế toán, thành viên Hội đồng quản trị CTCP Bao bì Biên Hòa



Ông ĐẶNG NGỌC DIỆP

Phó giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Số cổ phần nắm giữ: 1.038.310 cổ phần

Trong đó: 1.026.595 CP Đại diện Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

Cá nhân sở hữu: 11.715 cổ phiếu

Quá trình công tác

Từ 1992 – 1996: Nhân viên phòng Cơ điện Công ty may CN Đồng Nai.

Từ 1996 – 2002: Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa

Từ 2002 – 2005: Trưởng BPQLCL CTCP bao bì Biên Hòa.

Từ 2005 – 2006: Quản đốc Xưởng Offset, CTCP bao bì Biên Hòa.

Từ 2006 – 4/2008: Trưởng BP KHSX CTCP bao bì Biên Hòa.

Từ 4/2008 – 2/2016: Trưởng BP Kinh doanh, TV.HĐQT.

Từ 2016 – nay: Phó giám đốc kinh doanh, TV. HĐQT.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông HÀ VĂN SƠN

Phó giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Số cổ phần nắm giữ: 1.490 cổ phần

Nơi sinh: Hưng Yên

Từ 2000 – 2001:

Tổ trưởng SX Tổng công ty Cơ khí Giao thông II.

Từ 2001 – 2007:

Trưởng ca sản xuất CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2007 – 2011:

Phó quản đốc xưởng Carton, CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2011 – 02/2016:

Quản đốc xưởng Carton, CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2/2016 – nay:

Phó giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác tổ chức

Công ty đã ban hành Chính sách nhân sự từ 01/01/2005, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi và các chế độ phúc lợi khác.

Nhằm đảm bảo tuyển người lao động đối với các vị trí chuyên môn về công nghệ, kỹ thuật quan trọng, Công ty xây dựng quy định về việc chế độ tiền lương khác nhau nhằm thu hút, giữ chân nhân tài. Theo đó, có những chuyên viên quản lý bậc cao hoặc những chuyên viên về mảng công nghệ, kỹ thuật được áp dụng mức lương có thể cao hơn mức lương của cấp chuyên viên, cấp quản lý hiện tại.

Chính sách lương

Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện trên cơ sở Quy chế được thống nhất đảm bảo giữa hiệu quả SXKD, đáp ứng nhu cầu của người lao động, và cạnh tranh. SOVI tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Trong năm Công ty vẫn tiếp tục áp dụng việc trả lương theo kết quả đánh giá hoàn thành công việc theo KPI cho các đơn vị.

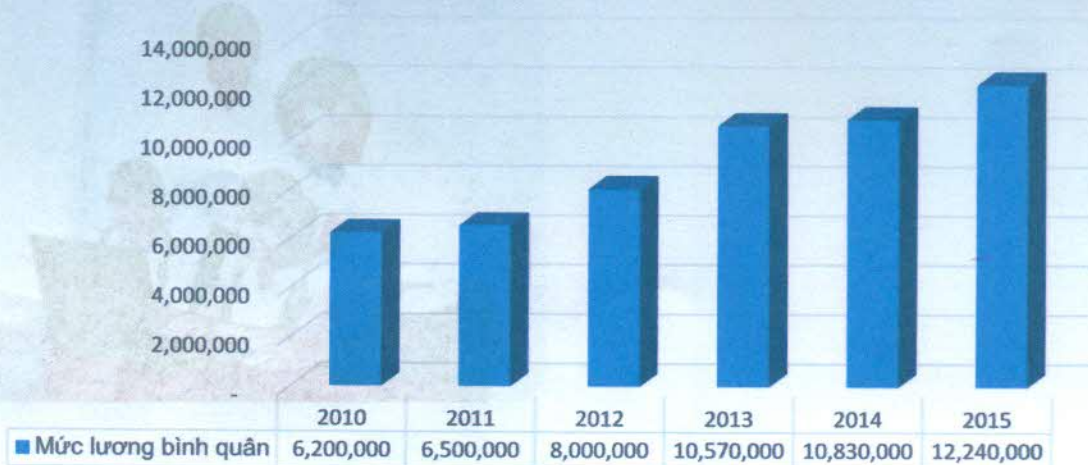
Hàng quý, căn cứ hiệu quả SXKD, Công ty duy trì chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên và thúc đẩy người lao động đã tích cực, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao trong lao động.

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục triển khai dự án về chính sách quản trị nhân sự và tiền lương, đó là dự án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực nhân viên dự kiến sẽ hoàn thành và áp dụng trong năm 2016. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường chính xác năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác.

Tăng cường đào tạo tại chỗ, mời giảng viên về đào tạo riêng cho CBCNV theo chương trình, nội dung đặt hàng để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù công việc của Công ty.

Thường xuyên linh động trong công tác triển khai kế hoạch đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức CBCNV phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mức lương bình quân (VNĐ)





Bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, trong đó đảm bảo việc mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đo kiểm môi trường, trang bị áo quần, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại được Công ty thực hiện thường xuyên kịp thời và đúng quy định. Hàng năm, Công ty định kỳ tổ chức cho CBCNV nghỉ mát và thực hiện tốt các chính sách đối với lao động nữ. lao động làm việc lâu năm.

Chính sách đào tạo

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện ý thức, tác phong công nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, Công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chất lượng đào tạo được nâng cao, thực hiện đúng nhiệm vụ chức danh công việc đảm nhận, đẩy mạnh tổ chức tập trung đào tạo kỹ năng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước; đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Quan tâm đào tạo nhân lực quy hoạch trẻ, có tiềm năng phát triển trong chuyên môn và quản lý. Có chính sách khen thưởng đề động viên, khuyến khích CBCNV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trong thời gian qua, Ban giám đốc công ty luôn xem công tác đào tạo nội bộ là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất, nên đã rất quan tâm và đầu tư đúng mức; nhờ vậy đội ngũ CBCNV đã trưởng thành vượt bậc, không những vận hành Nhà máy bao bì giấy Biên Hòa mà cả Nhà máy bao bì giấy mới tại KCN Mỹ Phước, Bình Dương đưa vào hoạt động an toàn, hiệu quả, đưa thương hiệu SOVI càng ngày càng tạo uy tín cao từ phía khách hàng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2015 với kế hoạch dự kiến đầu tư 60 tỷ đồng.

Tuy nhiên do các thủ tục đấu thầu có liên quan đến nước ngoài phải thực hiện đấu thầu quốc tế nên công tác đầu tư trong năm chỉ đạt hơn 50.442 triệu đồng, bằng 84,07% kế hoạch. Bao gồm 10 tài sản thiết bị, XDCB như:

- ✓ Máy gấp dán tự động: 4.272 triệu
- ✓ Máy cắt mẫu: 1.726 triệu
- ✓ Máy in offset 6 màu: 29.820 triệu
- ✓ Máy bẻ và gỡ rêu tự động carton: 6.291 triệu
- ✓ Máy bẻ và gỡ rêu tự động offset: 4.162 triệu, v.v...



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các khoản mục trên báo cáo tài chính

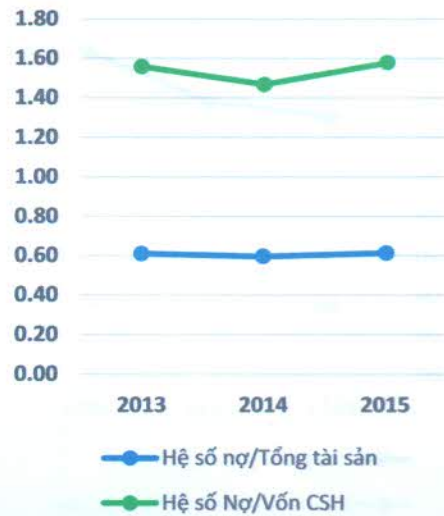
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	% Tăng giảm
Tổng tài sản	669.385	758.795	13,36
Doanh thu thuần	1.130.701	1.341.383	18,63
Lợi nhuận từ HĐKD	73.665	82.447	11,92
Lợi nhuận khác	1.744	1.630	(6,54)
Lợi nhuận trước thuế	75.409	84.077	11,49
Lợi nhuận sau thuế	64.319	69.326	7,78
Tỉ lệ cổ tức (%)	20	20	-

Các chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	2014	2015
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Lần)		
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,36	1,36
2	Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,93	1,03
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (Lần)		
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,59	0,61
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,47	1,58
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Lần)		
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	6,97	8,29
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	1,77	1,88
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6%	5%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25%	24%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10%	10%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7%	6%

Đồ thị hiệu quả hoạt động

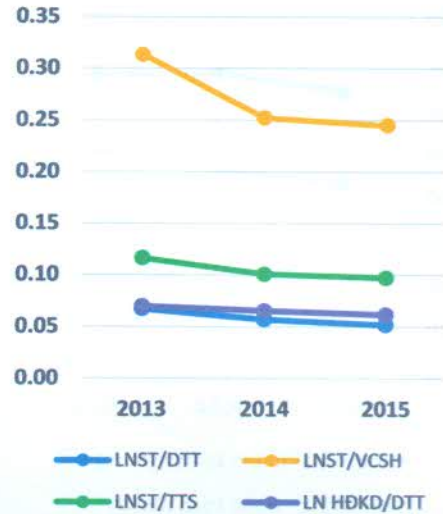


Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và nhanh qua các năm đều xu hướng tăng. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh đang lần lượt duy trì ở mức 1,36 và 1,03 trong năm 2015. Điều này cho thấy khả năng thanh toán của Công ty luôn ở mức an toàn.

Cơ cấu vốn

Năm 2015, tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu và tỷ lệ nợ/tổng tài sản đang duy trì ở mức 1,58 và 0,61. Đây là mức tăng nhẹ so với mức năm 2014.



Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản đều tăng so với năm 2014, cụ thể đang lần lượt duy trì ở mức 8,29 và 1,88. Đây là tín hiệu tốt trong hoạt động của SOVI.

Khả năng sinh lời

So với năm 2014, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2015 đều giảm nhẹ. Cụ thể hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt mức 0,06 so với mức 0,05 năm 2014. ROA vẫn duy trì mức 0,1 trong khi ROE giảm nhẹ từ 0,25 xuống 0,24. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đạt mức 0,07 so với mức 0,06 trong năm 2015. Nguyên nhân là do biến động tỷ giá ngoại tệ (USD) năm 2015 lớn, gây khó khăn cho việc nhập khẩu nguyên liệu giấy, khiến giá thành sản xuất tăng cao làm giảm các chỉ tiêu lợi nhuận.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ phần

CỔ PHẦN

➤ Tổng số lượng cổ phần	12.832.437 CP
➤ Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
➤ Số lượng cổ phần đang lưu hành	12.832.437 CP
➤ Số lượng cổ phần Cổ phiếu quỹ	24.300 CP
➤ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 CP

Cơ cấu cổ đông

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	6.880.393	53,62%
II	Cổ đông nội bộ	653.444	5,09%
III	Cổ đông trong nước	3.284.543	25,60%
1	Cá nhân	2.999.125	23,37%
2	Tổ chức	285.418	2,22%
IV	Cổ đông nước ngoài	2.014.057	15,70%
1	Cá nhân	388.883	3,03%
2	Tổ chức	1.625.174	12,66%
TỔNG		12.832.437	100%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Số lượng CP trước phát hành: 10.673.542 CP
- Số lượng CP phát hành: 2.134.708 CP
- Số lượng CP đang lưu hành: 12.832.437 CP
- Ngày đăng ký cuối cùng: 16/07/2015

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các doanh nghiệp nói chung và SOVI nói riêng khi hoạt động đều hướng đến mục tiêu tạo ra lợi thế cạnh tranh và đem lại giá trị tăng thêm cho các đối tác bên trong và các đối tác bên ngoài, và sẽ gắn kết chặt chẽ với hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động sẽ không tránh khỏi các rủi ro làm ảnh hưởng đến quá trình tiến tới mục tiêu của doanh nghiệp. Với nhận thức đó, SOVI đã thiết lập, xây dựng, quản trị và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro nhằm ngăn ngừa và hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra, từ đó hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

1. Cơ sở hạ tầng về kiểm soát và Quản trị rủi ro, thực hiện cải tiến các hoạt động chính như sau:
 - a. Về chính sách: Hoàn thiện quy chế liên quan đến quản trị rủi ro nội bộ, phân định rõ ràng vai trò và trách nhiệm giữa HĐQT và Ban điều hành, đặc biệt trong công tác triển khai các hoạt động về kiểm soát nội bộ (KSNB).
 - b. Về cơ cấu tổ chức:
 - Với trách nhiệm thực hiện các chiến lược dài hạn của Công ty, Hội đồng quản trị đã nhận diện và giám sát các phạm vi rủi ro trọng yếu và thành lập Ban KSNB giúp cho HĐQT và BGD phát hiện và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;
 - Dưới sự giám sát chỉ đạo của BGD, Ban KSNB với chức năng đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đã phát huy vai trò độc lập của mình và đưa ra các ý kiến tham vấn về hiệu quả của hệ thống KSNB, cả về công tác quản trị rủi ro cũng như trong việc tham vấn cho Ban điều hành về các rủi ro hoạt động và tuân thủ;
 - Hoạt động KSNB năm 2015 đã tiến hành các đợt kiểm tra tuân thủ định kỳ và các đợt kiểm tra theo quy trình trên cơ sở đánh giá rủi ro. Thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, Ban KSNB không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát. Ngoài ra, các kết quả KSNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban giám đốc để tăng cường công tác quản lý tại Công ty.
 - c. Về công cụ quản trị :
 - Từng bước kiện toàn các công cụ quản trị rủi ro, tăng cường xây dựng cải tiến khung hoạt động hiệu quả ở cấp độ doanh nghiệp và sự tương tác giữa con người, quy trình và hệ thống. Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành rà soát và bổ sung một loạt các Quy định nội bộ nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống KSNB. Theo đó, Công ty đã sửa đổi Quy chế quản lý tài chính công ty phù hợp với một doanh nghiệp có quản trị công ty tốt. Xây dựng, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định, quy trình tác nghiệp liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp được hoàn thiện và nâng cao, trên cơ sở đang triển khai thành công hệ thống ERP tiến đến tối đa hóa kiểm soát tự động và kiểm soát dựa vào hệ thống.

2. Quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh

- Các hoạt động kinh doanh luôn phải đối mặt với rủi ro lớn nhất là suy giảm năng lực cạnh tranh so với đối thủ, trong năm 2015 Công ty đã kiểm soát và ứng phó tương đối tốt với thị trường bao bì giấy khi các đối thủ ráo riết cạnh tranh về giá nhằm chiếm lĩnh thị trường, công ty đã kịp thời điều chỉnh các chính sách bán hàng để đảm bảo chính sách bán hàng của Công ty linh hoạt phù hợp với tình hình kinh doanh theo từng giai đoạn mới.

3. Quản lý rủi ro tài chính và tín dụng

- SOVI đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban giám đốc ra quyết định điều hành kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm. Ngoài ra Công ty luôn quan tâm đến công tác quản trị tài chính, trong đó công tác kiểm soát chi phí hoạt động, lập và phân tích đầy đủ các phương án kinh doanh và đầu tư đã trở thành một công cụ phòng ngừa rủi ro hữu hiệu, giúp gia tăng giá trị, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

4. Quản lý rủi ro trong sản xuất

- Trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các bộ tiêu chuẩn định mức như tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; các định mức phụ tùng thiết bị để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm. Định kỳ, 6 tháng một lần công ty tiến hành khảo sát, đánh giá lại các tiêu chuẩn định mức để điều chỉnh cho phù hợp với tay nghề và công nghệ mới trên cơ sở tiết giảm định mức tiêu hao. Ngoài ra Công ty luôn có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị và nhà máy theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.

5. Quản lý rủi ro trong việc lập kế hoạch và dự báo

- Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, Ban giám đốc Sovi luôn chú trọng công tác lập kế hoạch, kiểm soát ngân sách và dự báo. Công ty đã xây dựng quy trình lập kế hoạch chi tiết đến từng bộ phận, phân xưởng. Để giúp Ban giám đốc đưa ra những giải pháp, quyết định đúng đắn trong công tác quản lý tốc độ tăng trưởng phù hợp với năng lực của Công ty và tình hình thị trường trong từng giai đoạn khác nhau, kiểm soát và hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động, SOVI đã không ngừng cải tiến quy trình lập kế hoạch, kiểm soát ngân sách và dự báo. Cụ thể trong năm 2015 Công ty tiếp tục rà soát và hoàn thiện quy trình quản lý chi phí và ngân sách, đồng thời dự báo dòng tiền cho từng giai đoạn, đảm bảo nguồn vốn đầy đủ kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Quản lý rủi ro về tính thanh khoản

- Trước tình hình suy thoái kinh tế thế giới chưa được khắc phục và tình hình nợ xấu trong nước chưa khắc phục một cách triệt để, các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến nhà cung cấp, khách hàng sẽ có khả năng xảy ra bất kỳ lúc nào đối với hoạt động SXKD của SOVI. Trong năm 2015, Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ để quy định những nguyên tắc, trách nhiệm cụ thể của từng bộ phận, thành viên về quản lý công nợ tại SOVI. Tiến hành xây dựng định mức hàng tồn kho để kiểm soát tình hình kinh doanh và hạn chế rủi ro về tính thanh khoản. Chính vì vậy, trong năm 2015 công nợ của SOVI được kiểm soát chặt chẽ thường xuyên nên không xảy ra tranh chấp, nợ xấu trong hoạt động mua bán hàng hóa.

7. Quản lý rủi ro nhân sự

- Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Để ngăn ngừa rủi ro liên quan đến yếu tố con người, trong những năm qua, Công ty không ngừng cải tiến hệ thống quản trị nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới. Trong năm 2015 SOVI đã tổ chức rà soát các tiêu chí đánh giá KPI, và tiến hành xây dựng bộ năng lực cốt lõi cho toàn công ty (ASK) để tiến tới trong năm 2016 triển khai đến toàn bộ các đơn vị trong công ty xây dựng tiêu chí ASK cho từng vị trí công việc mà mình phụ trách. Thường xuyên điều chỉnh chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm mang lại những lợi ích về lâu dài, bền vững cho Công ty.

**BÁO
CÁO
BAN
GIÁM
ĐỐC**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình kinh tế nước ta trong năm 2015 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục đà phục hồi nhưng chưa bền vững với tốc độ tăng trưởng giữa các khu vực ngày càng khác biệt. Điểm nổi bật trong năm 2015 là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu và vẫn đang tiếp tục giảm. Ở trong nước, nền kinh tế tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, GDP năm 2015 tăng 6,5%, mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Lạm phát được điều hành theo mục tiêu; chỉ số giá tiêu dùng trong năm thấp; tín dụng trong nền kinh tế tăng trên 10%, v.v.. Đặc biệt là giá xăng dầu giảm liên tiếp là yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ cho các doanh nghiệp và kích thích tiêu dùng trong dân cư.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối diện một số khó khăn, thách thức như giá dầu thô thế giới tiếp tục diễn biến khó lường và liên tục giảm ảnh hưởng đến thu ngân sách, cán cân thương mại, việc thực hiện tái cơ cấu còn chậm, tỷ giá hối đoái tăng và tiếp tục có xu hướng tăng do chính sách phá giá đồng tiền của Trung Quốc, v.v...

Về phía SOVI, Công ty vẫn tiếp tục đà phát triển mạnh và bền vững, tiếp tục khẳng định thương hiệu và vị thế trên thị trường. Năm qua, doanh thu thuần đạt mức 1.341.383 triệu đồng, tăng khoảng 18,63% so với năm 2014, đạt 114,16% so với kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 69.326 triệu đồng, tăng 7,78% so với năm 2014.

Doanh thu và lợi nhuận

Đơn vị: triệu đồng

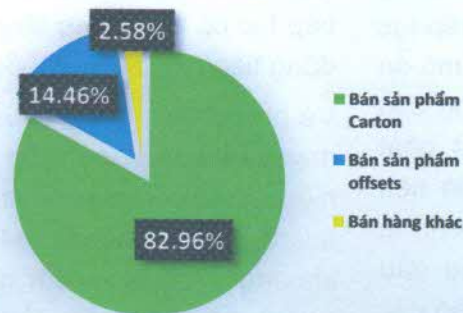
Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu thuần	694.886	851.749	1.003.373	1.130.701	1.341.383
Lợi nhuận từ HĐKD	58.076	64.333	69.618	73.665	82.447
Lợi nhuận trước thuế	58.796	65.225	70.064	75.409	84.077
Lợi nhuận sau thuế	53.862	59.997	67.336	64.319	69.326

Doanh thu đạt **1.341 tỷ VND**

& 84 tỷ VND Lợi nhuận trước thuế

Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	938.016	83,00	1.125.330	83,89%
Bao bì Offset	163.532	14,46	179.832	13,41%
Khác	29.191	2,54	36.221	2,70%
Tổng cộng	1.130.740	100,00	1.341.383	100,00

Cơ cấu doanh thu 2014

Cơ cấu doanh thu 2015

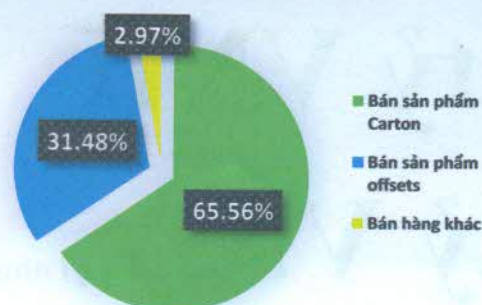
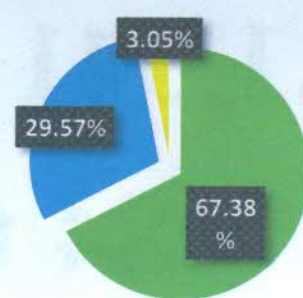

Trong năm 2015, tỷ trọng doanh thu trong các nhóm không có thay đổi đáng kể trong khi giá trị mỗi nhóm sản phẩm đều tăng khá cao. Trong đó, in bao bì Carton đạt 1.125.330 tấn, tăng 20% so với năm 2014, và vượt 16,28% so với kế hoạch. Ngoài ra, in bao bì Offset tăng 16.300 tấn, tương ứng tăng 9,97% nhưng chưa đạt kế hoạch sản lượng.

Trong khi in bao bì Carton nắm 83,89% trong tổng doanh thu thì chỉ chiếm khoảng 67% trong cơ cấu lợi nhuận gộp, còn lại là in bao bì Offset chiếm gần 30%. Nguyên nhân do chi phí hàng bán của bao bì Carton cao hơn nhiều so với chi phí in Bao bì Offset.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	101.578	65,56	115.435	67,38%
Bao bì Offset	48.773	31,48	50.659	29,57%
Khác	4.596	2,97	5.225	3,05%
Tổng cộng	154.947	100,00	171.319	100,00

Đơn vị: triệu đồng

Cơ cấu LN gộp 2014

Cơ cấu LN gộp 2015


Ngoài những khó khăn, thuận lợi chung của nền kinh tế, công ty còn có những thuận lợi, khó khăn riêng sau:

Thuận lợi

- ▲ Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2015 ước tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy cũng tăng gần 10%, chứng tỏ ngành bao bì giấy vẫn đang tiếp tục tăng trưởng và phát triển ổn định.
- ▲ Đa số CB-CNV thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc vì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.
- ▲ SOVI tiếp tục khẳng định là một trong những nhà cung cấp bao bì carton chính cho thị trường, cụ thể sản lượng vẫn tăng hơn 15% so với cùng kỳ năm trước, là cơ sở để thương hiệu Sovi ngày càng có chỗ đứng vững chắc và ngày càng có được niềm tin ở khách hàng.
- ▲ Sovi dễ tiếp cận các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng với chi phí vốn rẻ (từ 4,0 – 5%) do tín nhiệm tín dụng được đánh giá cao đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- ▲ Bao bì giấy tiếp tục khẳng định là loại bao bì khó có khả năng thay thế vì có tính thân thiện với môi trường, ngành sản xuất bao bì giấy ngày càng phát triển và chiếm ưu thế.

Khó khăn

- ▲ Mặc dù lạm phát và chỉ số giá đã giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên giá cả một số nguyên vật liệu chính của công ty như giấy, mực in, bột mì,... mặc dù có giảm nhưng chưa tương xứng với tốc độ giảm của chỉ số giá chung của nền kinh tế và còn đứng ở mức cao dẫn đến mức độ cạnh tranh của ngành càng ngày càng giảm (tỷ suất lợi nhuận gộp giảm).
- ▲ Mặc dù giá xăng dầu liên tục giảm trong kỳ nhưng chi phí vận chuyển vẫn chưa giảm một cách tương ứng và còn ở mức cao.
- ▲ Việc Ngân hàng Nhà nước liên tiếp hai lần điều chỉnh tỷ giá USD/VND, tăng trực tiếp 1% tỷ giá bình quân liên ngân hàng và nới biên độ tỷ giá từ +/-1% lên +/-3% trước sự kiện Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ và bối cảnh chung của thị trường thế giới đã làm cho tỷ giá trên thị trường tăng gần 5% so với đầu năm làm cho giá thành sản xuất sản phẩm của Công ty tăng gần 2% làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trong kỳ.
- ▲ Kỹ năng quản trị của một số cán bộ quản lý vẫn còn chưa theo kịp yêu cầu, đặc biệt là công tác quản trị nguồn nhân lực vẫn còn bộc lộ những yếu kém, bất cập dẫn đến hiệu quả quản lý còn chưa cao.
- ▲ Việc đầu tư máy móc thiết bị nhằm đồng bộ hóa năng lực sản xuất cho từng khâu máy tại Nhà máy Bình Dương chậm do các thủ tục đầu tư kéo dài làm ảnh hưởng đến năng lực sản xuất tổng thể của Nhà máy, tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- ▲ Với sự cạnh tranh gay gắt của thị trường bao bì, để duy trì sản xuất và đảm bảo công ăn việc làm cho công nhân, các nhà sản xuất bao bì vẫn tiếp tục áp dụng chiến lược giá thấp. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận doanh thu của ngành bao bì không cao và với chiến lược giá thấp của các đối thủ đã tạo ra áp lực cạnh tranh giá bán ngày



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải tiến công tác tổ chức nhân sự

Về đào tạo: tiếp tục nâng cao tay nghề cho CBCNV thông qua các hình thức đào tạo. Cụ thể công ty tiến hành gửi nhiều cán bộ, nhân viên đi học các khóa đào tạo bên ngoài do các Tổ chức đào tạo có uy tín như đào tạo về đầu thầu; công nghệ thông tin, các kỹ năng bán hàng, kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng sản xuất, nhất là các khóa học dành cho cấp quản lý như CFO, CPO, CHO ...

Ngoài ra, công ty cũng tự tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ về kỹ năng giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc, kỹ năng giải quyết sự cố; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hướng dẫn vận hành theo quy trình, quy định và tiêu chuẩn công việc ...

Về tuyển dụng: Hoạt động tuyển dụng trong năm vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tiếp tục áp dụng phương pháp tuyển dụng theo phương thức thời vụ đối với những công đoạn sản xuất giản đơn được ưu tiên nhằm tiết giảm chi phí.

Duy trì và cải tiến

Công ty tiếp tục xác định công tác duy trì và cải tiến hệ thống quản lý là công việc làm thường xuyên nên trong những tháng đầu năm 2015, công ty tiếp tục tái cấu trúc lại nguồn nhân lực trên tinh thần tinh gọn và có hiệu quả nhất. Cụ thể: hoàn chỉnh bộ hồ sơ giao việc, phương pháp xây dựng mục tiêu và đánh giá KPI của BP và cá nhân; tiếp tục rà soát hoàn chỉnh nội dung và danh mục các cấp tài liệu để quản lý thống nhất toàn Công ty, hướng dẫn giao việc và kiểm soát công việc và đặt biệt hoàn thành bộ tiêu chí năng lực cốt lõi của Công ty làm cơ sở cho các BP, PX tiến hành xây dựng tiêu chí ASK cho từng nhân viên cấp dưới.

Tiến hành xây dựng mô hình quản lý chuyên môn theo ngành dọc của 02 mảng Kỹ thuật và Quản trị chất lượng; duy trì phân tích chuyên đề theo các lĩnh vực của từng bộ phận phụ trách như khiếu nại chăm sóc khách hàng. Từ đó tái cấu trúc lại từng vị trí sao cho có hiệu quả nhất.

Theo dõi diễn biến các định mức tiêu hao vật tư chính, phân tích đánh giá các tiêu hao bất thường và điều chỉnh giảm kịp thời những định mức chưa phù hợp



Chính sách tiêu thụ sản phẩm

Tăng cường năng lực chuyên môn cho đội ngũ bán hàng nhằm tìm kiếm khách hàng tiềm năng như: Nestle, bia Sài Gòn. Kết quả là trong năm công ty đã phát sinh giao dịch mua bán với Nestle, bia Sài Gòn với doanh số hàng tháng lên đến hàng tỷ... Đẩy mạnh công tác quan hệ và chăm sóc khách hàng để dành thị phần chủ lực của khách hàng VIP truyền thống như: Masan, Unilever, Pepsico, Cocacola, Decalon, Sygenta, Hyosun... Đáp ứng các yêu cầu dịch vụ và chăm sóc khách hàng lớn kịp thời nhằm thỏa mãn khách hàng tốt nhất. Giao chỉ tiêu doanh số và doanh số khách hàng mới cho từng nhân viên bán hàng để đảm bảo mục tiêu Công ty và động lực phấn đấu của nhân viên.

Công tác quản lí chất lượng

Công ty tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lí chất lượng sản phẩm là công việc làm thường xuyên trong năm 2015. Tiếp tục rà soát cấu trúc chức năng bộ máy quản lí chất lượng Công ty theo trực tuyến kèm theo hồ sơ kiểm soát quá trình nhằm phát hiện kịp thời các lỗi online tại nơi sản xuất, các N/C khách hàng phản ánh được khắc phục kịp thời theo đúng quy trình 8.3; duy trì kiểm tra nguyên liệu đầu vào, đánh giá nhà cung cấp nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình; trang bị đầy đủ những thiết bị kiểm tra chất lượng sản phẩm từng bước đáp ứng chất lượng và tạo niềm tin cho khách hàng.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Sang năm 2016, kinh tế thế giới phải đối mặt với làn sóng giảm phát thứ ba trong vòng chưa đầy một thập niên. Nhìn tổng thể, làn sóng giảm phát lần thứ ba này đồng nghĩa rằng GDP sẽ tiếp tục ở dưới mức tiềm năng. Sức ép lên giá cả sẽ vẫn dai dẳng và khả năng hoạt động kinh tế toàn cầu sụt giảm là khó tránh khỏi. Bên cạnh đó liên kết kinh tế quốc tế, đặc biệt là trong khu vực tiếp tục chuyển biến sâu sắc theo hướng tăng cường hợp tác và cạnh tranh thông qua các Hiệp định thương mại tự do. Việc hình thành Cộng đồng ASEAN trong năm 2015, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), các Hiệp định thương mại tự do với EU và với các đối tác lớn khác sẽ mở ra cho nước ta những thuận lợi và cơ hội phát triển mới nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức, khó khăn.

Với bối cảnh dự báo nền kinh tế như trên, cộng với khả năng và nguồn lực sẵn có của Công ty, HĐQT đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch
1) Sản lượng	83,000 tấn
▲ Bao bì carton	75,000 tấn
▲ Bao bì in offset	7,000 tấn
▲ Bao bì hộp	1,000 tấn
2) Tổng doanh thu	1,450,000 triệu đồng
3) Đầu tư XDCB	61,500 triệu đồng
4) TNBQ	12,5 triệu đồng/người/tháng
5) LNTT	90,000 triệu đồng
6) Nộp Ngân sách	53,774 triệu đồng

Các giải pháp thực hiện

- ▶ Tiếp tục đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để đồng bộ hóa các khâu sản xuất nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.
- ▶ Tiếp tục thực hiện chương trình soát xét và nâng cao hiệu quả quản trị của các cấp quản trị, chuyên viên thông qua hình thức đào tạo bên trong (đào tạo tại hiện trường) và bên ngoài bằng việc mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và sản xuất về Công ty đào tạo hoặc tham gia các khóa học tại các trung tâm đào tạo chuyên sâu.
- ▶ Tiến hành rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng,... thông qua các chương trình kiểm soát và tiết giảm chi phí từ định mức NVL; giá mua trên thị trường; tăng năng suất lao động; giảm thời gian chết của MMTB,... nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh của công ty.
- ▶ Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị và bán hàng. Ưu tiên mở rộng thị phần đối với khách hàng cũ và truyền thống nhằm đạt hoặc vượt kế hoạch đặt ra về doanh số, tiếp tục triển khai chính sách giảm giá bán phù hợp để gia tăng sản lượng, đảm bảo khâu máy giấy tại Nhà máy Mỹ Phước, Bình Dương hoạt động hết 3 ca.
- ▶ Triển khai soát xét và quy hoạch lại các đơn hàng về một chủng loại giấy và soát xét lại cấu trúc giấy nhằm giảm định mức để tiết giảm chi phí, từ đó có cơ hội giảm giá bán để nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.
- ▶ Triển khai giải pháp ứng dụng phần mềm ERP của INFOR trong công tác quản trị sản xuất và điều hành nhằm tối ưu hóa từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.



Kế hoạch kinh doanh năm 2016 – 2020
Đơn vị: tấn

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
<i>Sản lượng (tấn)</i>					
Bao bì Carton	75.000	83.000	85.000	94.000	107.000
Bao bì in offset	7.000	8.000	9.000	10.000	11.000
Bao bì hộp	1.000	1.000	0	0	0

Đơn vị: triệu đồng

Tổng doanh thu	1.450.000	1.625.000	1.800.000	1.950.000	2.100.000
Đầu tư XDCB	61.500	20.000	50.000	30.000	250.000
TNBQ	12,50	12,70	13,00	13,00	13,50
Công tác xã hội	1.000	1.200	1.500	2.000	3.000




NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2015

STT	Danh hiệu đạt được	Thành tích đạt được	Tổ chức	Thời gian
1	BẰNG KHEN	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2014	UBND tỉnh Đồng Nai	07/08/2015
2	GIẤY KHEN	Tập thể lao động xuất sắc 2014	UBND tỉnh Đồng Nai	27/04/2015
3	BẰNG KHEN	Đã có nhiều đóng góp trong 15 năm hưởng ứng cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”	UBND tỉnh Đồng Nai	27/10/2015
4	BẰNG KHEN	Đã có thành tích xuất sắc trong 10 năm xây dựng và phát triển Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai	28/10/2015
5	GIẤY KHEN	Chấp hành tốt chính sách thuế năm 2014	Tổng cục thuế	07/04/2015
6	KỶ NIỆM CHƯƠNG	Tấm lòng vàng vì sự nghiệp nhân đạo cao cả	Hội chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai	09/2015
7	TRÂN TRỌNG & GHI ÂN	Chăm lo CBCNV lao động có hoàn cảnh khó khăn	Ban thường vụ Liên đoàn lao động tỉnh Đồng Nai	28/01/2016
8	KỶ NIỆM CHƯƠNG	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD năm 2015	Tổng công ty CNTP Đồng Nai	15/01/2016
9	GIẤY KHEN	Tập thể điển hình tiên tiến giai đoạn 2010-2014	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	02/2015
10	GIẤY CHỨNG NHẬN	Top 10 DN tín nhiệm nhất Việt Nam về ngành giấy năm 2015	Trung tâm Khoa học Thẩm định tín nhiệm Doanh nghiệp	04/02/2016

Ngoài ra trong năm 2015, công ty cũng nằm trong top 100 DN phát triển nhanh nhất Việt Nam (FAST 500) và cũng nhận được Danh hiệu Thương hiệu Việt năm 2015.

TÓM TẮT MỤC TIÊU 2016

“Tập thể Ban lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên CTCP Bao bì Biên Hòa luôn đặt quyết tâm cao nhất để xây dựng Công ty phát triển ngày một vững mạnh và đưa thương hiệu SOVI thành một thương hiệu có uy tín và có sức cạnh tranh mạnh mẽ trong lĩnh vực bao bì giấy trong dài hạn”.



Mục tiêu dài hạn

- Đạt mức tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận với tốc độ tăng trưởng bình quân 10 - 15%/năm về doanh số và 5 - 7%/năm về lợi nhuận;
- Quản lý chi phí hiệu quả cụ thể là việc kiểm soát chặt chẽ việc cấp phát, sử dụng nguyên vật liệu, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác thiết kế sản phẩm, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn về thiết kế cho cán bộ công nhân viên. Đảm bảo sản xuất cơ sở thiết bị an toàn và ổn định. Nâng cao năng suất lao động, trách nhiệm của từng bộ phận;
- Tìm kiếm sự hài lòng từ khách hàng. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng, bảo đảm giao hàng đúng tiến độ;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh. Thị trường bao bì sắp tới cạnh tranh khốc liệt nên việc tìm hiểu đối thủ cạnh tranh và chuẩn bị sẵn sàng để đảm bảo vị thế là 1 trong 3 nhà cung cấp bao bì giấy hàng đầu tại Việt Nam;
- Nâng cao năng lực hiệu quả quản trị, bằng cách cử cán bộ nhân viên đi học thêm về các kỹ năng quản lý; kỹ thuật và thu thập thêm kinh nghiệm quản lý trong ngành nhằm kiện toàn bộ máy đưa công ty đến những thành công lớn hơn trong tương lai;
- Không ngừng đổi mới và nâng cấp cấp thiết bị hiện có để đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ và có kế hoạch dự phòng hợp lý các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.
- Đổi mới công nghệ. Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong ngành bao bì thì yếu tố công nghệ luôn đặt lên hàng đầu. Do đó Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển công nghệ trong lĩnh vực in ấn và thiết kế.

ĐÁNH
GIÁ
CỦA
HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa đã tích cực tham gia hỗ trợ và giám sát Ban điều hành trong các hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên, 04 phiên họp Hội đồng quản trị thường niên và 58 phiên họp Hội đồng quản trị bất thường để điều phối, kiểm tra đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cùng với đó, Hội đồng quản trị cũng đã ban hành 62 Biên bản và Nghị quyết quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, kinh doanh, đầu tư, nhân sự, v.v... Các vấn đề đưa ra đều được các thành viên Hội đồng quản trị bàn bạc công khai, biểu quyết và đạt được sự đồng thuận cao.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá, tổng sản phẩm quốc nội GDP đạt mức tăng trưởng 6,28%, nền kinh tế vĩ mô bắt đầu ổn định, chỉ số giá tiêu dùng CPI cũng không biến động nhiều như năm ngoái, nhu cầu thị trường bao bì giấy tăng ở mức trung bình từ 9 – 10%.

Nhìn chung, giá cả các loại nguyên vật liệu chính ổn định, không có biến động đáng kể về giá cả tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh cho Công ty trong năm qua. Thương hiệu SOVI càng ngày được khách hàng tin tưởng đang từng bước nâng cao vị thế trên thị trường bao bì.

Về phía đội ngũ CBCNV của Công ty năm qua đã làm việc rất năng suất, đoàn kết, luôn nỗ lực trong sản xuất kinh doanh để đạt được kế hoạch đề ra cũng như đáp ứng một cách tốt nhất đơn hàng của khách hàng.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành

Sau 1 năm hoạt động với áp lực cạnh tranh về giá bán rất gay gắt, nhiều đối thủ cạnh tranh giảm giá bán sâu để đạt được đơn hàng, vì vậy ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, khách hàng cũng yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đòi hỏi sự nỗ lực phục vụ rất lớn mới đáp ứng được yêu cầu của khách hàng. Trước tình hình đó, Ban Giám đốc đã rất cố gắng thể hiện tốt vai trò điều hành để duy trì tốc độ tăng trưởng cũng như đảm bảo đạt được kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra trong năm. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng liên tục triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm của Công ty như đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu chi phí để giảm giá thành sản phẩm, v.v... Với kinh nghiệm điều hành cũng như gắn bó lâu năm với Công ty, trải qua những thay đổi hay sự cố bất ngờ trong năm qua nhưng Ban Giám đốc vẫn liên tục đưa ra những đánh giá và nhận định phù hợp, qua đó kịp thời phản ứng và giữ vững được đà phát triển của Công ty.

**QUẢN
TRỊ
CÔNG
TY**



THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị:

✓ **TRẦN TRANG BÌNH**

Thành viên Hội đồng quản trị

Điều hành:

✓ **PHẠM VĂN ĐIỀU**

✓ **NGUYỄN HOÀNG**

Không điều hành:

✓ **HOÀNG NGỌC LỰU**

✓ **ĐẶNG NGỌC DIỆP**

✓ **TRẦN HỮU ĐỨC**

✓ **NGUYỄN THANH NGÂN**

CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Không có

BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	BIÊN BẢN HỌP HĐQT		NỘI DUNG BIÊN BẢN	QUYẾT ĐỊNH/NGHỊ QUYẾT		NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH/NGHỊ QUYẾT
	SỐ	NGÀY		SỐ	NGÀY	
1	01/BB-HĐQT/2015	05/01/2015	Ủy quyền vốn vay tại Ngân hàng Ngoại Thương Đồng Nai.			
2	01bis/BB-HĐQT/2015	08/01/2015	Thông nhất phê duyệt dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset và bao bì Carton.	01bis/QĐ - HĐQT/2015	09/01/2015	Phê duyệt dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset và bao bì Carton.
3	02/BB-HĐQT/2015	09/01/2015	Thông nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp và phát triển phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.	01/QĐ-HĐQT/2015	10/01/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp và phát triển phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.
4	03/BB-HĐQT/2015	17/01/2015	Thông nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu và cụm tráng phủ (Varnish) thuộc dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset.	02/QĐ-HĐQT/2015	19/01/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu và cụm tráng phủ (Varnish) thuộc dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset.
5	03a/BB-HĐQT/2015	09/02/2015	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2014 và chọn thời điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015.	01/NQ-HĐQT/2015	09/02/2015	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2014 và chọn thời điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015.
6	03b/BB-HĐQT/2015	05/03/2015	Họp HĐQT thường niên lần 4.2014 : - Thông qua báo cáo tài chính quý 4 và báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. - Thông qua các tờ trình xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2015.	02/NQ-HĐQT/2015		- Thông qua báo cáo tài chính quý 4 và báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. - Thông qua các tờ trình xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2015.
7	04/BB-HĐQT/2015	03/04/2015	Thông nhất tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu máy in Offset tờ rời 6 màu và cụm tráng phủ (Varnish) thuộc dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset.	03/QĐ-HĐQT/2015	04/04/2015	Phê duyệt các đề xuất & kiến nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu.
8	04bis/BB-HĐQT/2015	06/04/2015	Thông nhất tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp và triển khai phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.	03bis/QĐ - HĐQT/2015	07/04/2015	Thông nhất tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp và triển khai phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.
9	05/BB-HĐQT/2015	13/04/2015	Thông nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu và cụm tráng phủ (Varnish) thuộc dự án đầu tư	04/QĐ-HĐQT/2015	14/04/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy in Offset tờ rời 6 màu và cụm tráng phủ (Varnish) thuộc dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì

			thiết bị nâng cao năng lực sản xuất bao bì Offset.			Offset.
10	06/BB-HĐQT/2015	16/04/2015	Thống nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp và phát triển phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.	05/QĐ-HĐQT/2015	17/04/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp và phát triển phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.
11	07/BB-HĐQT/2015	27/04/2015	Họp HĐQT thường niên lần 1.2015 : Thông qua báo cáo tài chính quý 1 và kế hoạch SXKD quý 2.2015.	03/NQ-HĐQT/2015	27/04/2015	Thông qua báo cáo tài chính quý 1 và kế hoạch SXKD quý 2.2015.
12	08/BB-HĐQT/2015	06/05/2015	Thống nhất phê duyệt chủ trương đầu tư hệ thống phần cứng phục vụ cho nhu cầu vận hành phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.	06/QĐ-HĐQT/2015	06/05/2015	Phê duyệt chủ trương đầu tư hệ thống phần cứng phục vụ cho nhu cầu vận hành phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.
13	09/BB-HĐQT/2015	08/05/2015	Thống nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp hệ thống phần cứng cho phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.	07/QĐ-HĐQT/2015	08/05/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp hệ thống phần cứng cho phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.
14	10/BB-HĐQT/2015	09/05/2015	Thống nhất phê duyệt chủ trương nâng công suất trạm biến áp từ 320 KVA lên 630 KVA cho PX Offset.	08/QĐ-HĐQT/2015	09/05/2015	Phê duyệt chủ trương nâng công suất trạm biến áp từ 320 KVA lên 630 KVA cho PX Offset.
15	11/BB-HĐQT/2015	11/05/2015	Thống nhất phê duyệt hồ sơ yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp hệ thống phần cứng cho phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.	09/QĐ-HĐQT/2015	11/05/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp hệ thống phần cứng cho phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.
16	12/BB-HĐQT/2015	27/05/2015	Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ thầu chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu : nâng công suất trạm biến áp từ 320 KVA lên 630 KVA cho PX Offset.	10/QĐ-HĐQT/2015	27/05/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ thầu chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu : nâng công suất trạm biến áp từ 320 KVA lên 630 KVA cho PX Offset.
17	13/BB-HĐQT/2015	06/06/2015	Thống nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động và máy cột dây.	11/QĐ-HĐQT/2015	06/06/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động và máy cột dây.
18	14/BB-HĐQT/2015	08/06/2015	Thống nhất thông qua quy chế hoạt động chi nhánh.	12/QĐ-HĐQT/2015	08/06/2015	Thông qua quy chế hoạt động chi nhánh.
19	15/BB-HĐQT/2015	11/06/2015	Thống nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu : Hệ thống phần cứng cho phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.	13/QĐ-HĐQT/2015	11/06/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu : Hệ thống phần cứng cho phần mềm chuyên dụng sản xuất bao bì giấy.
20	16/BB-HĐQT/2015	11/06/2015	Thống nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động & máy cột dây tự động.	14/QĐ-HĐQT/2015	11/06/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động & máy cột dây tự động.
21	17/BB-HĐQT/2015	15/06/2015	Thống nhất thời gian và địa điểm về việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn	04/NQ-HĐQT/2015	15/06/2015	Phê duyệt thời gian và địa điểm về việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu

			chủ sở hữu và niêm yết cổ phiếu mới phát hàng lên HOSE.			và niêm yết cổ phiếu mới phát hàng lên HOSE.
22	18/BB-HĐQT/2015	16/06/2015	Thống nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton và gỡ rẻo tự động.	15/QĐ-HĐQT/2015	16/06/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton và gỡ rẻo tự động.
23	19/BB-HĐQT/2015	18/06/2015	Thống nhất phê duyệt chủ trương cải tạo phòng đặt các máy in Offset 6 màu cho PX Offset.	16/QĐ-HĐQT/2015	18/06/2015	Phê duyệt chủ trương cải tạo phòng đặt các máy in Offset 6 màu cho PX Offset.
24	20/BB-HĐQT/2015	20/06/2015	Thống nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton & gỡ rẻo tự động.	17/QĐ-HĐQT/2015	20/06/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton & gỡ rẻo tự động.
25	21/BB-HĐQT/2015	22/06/2015	Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu : cải tạo phòng đặt các máy in Offset 6 màu cho PX Offset.	18/QĐ-HĐQT/2015	22/06/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời chào hàng cạnh tranh & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu : cải tạo phòng đặt các máy in Offset 6 màu cho PX Offset.
26	22/BB-HĐQT/2015	25/06/2015	Thống nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset và gỡ rẻo tự động.	19/QĐ-HĐQT/2015	25/06/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset và gỡ rẻo tự động.
27	23/BB-HĐQT/2015	27/06/2015	Thống nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset & gỡ rẻo tự động.	20/QĐ-HĐQT/2015	27/06/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset & gỡ rẻo tự động.
28	24/BB-HĐQT/2015	30/06/2015	Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015	05/NQ-HĐQT/2015	30/06/2015	Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015
29	25/BB-HĐQT/2015	02/07/2015	Thống nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.	21/QĐ-HĐQT/2015	02/07/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.
30	26/BB-HĐQT/2015	04/07/2015	Thống nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy cột tự động.	22/QĐ-HĐQT/2015	04/07/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy cột tự động.
31	26a/BB-HĐQT/2015	09/07/2015	Thống nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy bồi tự động.	22a/QĐ-HĐQT/2015	09/07/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy bồi tự động.
32	26b/BB-HĐQT/2015	15/07/2015	Thống nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy bồi tự động.	22b/QĐ-HĐQT/2015	15/07/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu & tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy bồi tự động.
33	27/BB-HĐQT/2015	18/07/2015	Thống nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu nâng công suất trạm biến áp từ 320KVA lên 630 KVA.	23/QĐ-HĐQT/2015	18/07/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu nâng công suất trạm biến áp từ 320KVA lên 630 KVA.
34	28/BB-HĐQT/2015	28/07/2015	Thống nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cải tạo phòng đặt các máy in Offset 6 màu.	24/QĐ-HĐQT/2015	28/07/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cải tạo phòng đặt các máy in Offset 6 màu.

35	29/BB-HĐQT/2015	30/07/2015	Thống nhất phê duyệt gia hạn thời điểm đóng thầu cho gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động & máy cột tự động.	25/QĐ-HĐQT/2015	30/07/2015	Phê duyệt gia hạn thời điểm đóng thầu cho gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động & máy cột tự động.
36	30/BB-HĐQT/2015	12/08/2015	Thống nhất phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton và gỡ rẻo tự động.	26/QĐ-HĐQT/2015	12/08/2015	Phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton và gỡ rẻo tự động.
37	31/BB-HĐQT/2015	13/08/2015	Họp HĐQT thường niên lần 2.2015 : Thông qua báo cáo tài chính quý 2 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3.	06/NQ-HĐQT/2015	13/08/2015	Họp HĐQT thường niên lần 2.2015 : Thông qua báo cáo tài chính quý 2 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3.
38	32/BB-HĐQT/2015	15/08/2015	Thống nhất phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset và gỡ rẻo tự động.	27/QĐ-HĐQT/2015	15/08/2015	Phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset và gỡ rẻo tự động.
39	33/BB-HĐQT/2015	15/08/2015	Thống nhất tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động và máy cột tự động.	28/QĐ-HĐQT/2015	15/08/2015	Phê duyệt tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động và máy cột tự động.
40	34/BB-HĐQT/2015	20/08/2015	Thống nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động và máy cột tự động.	29/QĐ-HĐQT/2015	20/08/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy gấp dán tự động và máy cột tự động.
41	35/BB-HĐQT/2015	28/08/2015	Thống nhất phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu cung cấp máy cột tự động.	30/QĐ-HĐQT/2015	28/08/2015	Phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu cung cấp máy cột tự động.
42	36/BB-HĐQT/2015	31/08/2015	Thông qua việc thanh lý tài sản theo tờ trình 10/08/2015/ và ngày 15/08/2015 của BP. KTCĐ.	30bis/QĐ-HĐQT/2015		Thông qua việc thanh lý tài sản theo tờ trình 10/08/2015/ và ngày 15/08/2015 của BP. KTCĐ.
43	37/BB-HĐQT/2015	01/09/2015	Thông qua thay đổi nội dung đăng ký giấy phép kinh doanh do tăng vốn điều lệ; Sửa đổi điều lệ theo số vốn đăng ký mới đồng thời bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung (nếu có) theo Luật doanh nghiệp 2014 và trình ĐHĐCĐ thường niên gần nhất của Công ty thông qua.	07/NĐ-HĐQT/2015	01/09/2015	Thông qua thay đổi nội dung đăng ký giấy phép kinh doanh do tăng vốn điều lệ; Sửa đổi điều lệ theo số vốn đăng ký mới đồng thời bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung (nếu có) theo Luật doanh nghiệp 2014 và trình ĐHĐCĐ thường niên gần nhất của Công ty thông qua.
44	37a/BB-HĐQT/2015	05/09/2015	Thống nhất phê duyệt hủy thầu cho gói thầu Cung cấp máy bế bồi tự động.	30a/QĐ-HĐQT/2015	05/09/2015	Phê duyệt hủy thầu cho gói thầu Cung cấp máy bế bồi tự động.
45	37b/BB-HĐQT/2015	08/09/2015	Thống nhất phê duyệt đầu tư máy bế thùng Carton.	30b/QĐ-HĐQT/2015	08/09/2015	Phê duyệt đầu tư máy bế thùng Carton.
46	38/BB-	16/09/2015	Thống nhất tờ trình đề nghị	31/QĐ-	16/09/2015	Phê duyệt tờ trình đề nghị thẩm

	HĐQT/2015		thẩm định báo cáo kết quả gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton và gỡ rẻo tự động.	HĐQT/2015		định báo cáo kết quả gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton và gỡ rẻo tự động.
47	38bis/BB-HĐQT/2015	16/09/2015	Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton.	31bis/QĐ-HĐQT/2015	16/09/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu gói thầu cung cấp máy bế thùng Carton.
48	39/BB-HĐQT/2015	23/09/2015	Thông nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế thùng carton và gỡ rẻo tự động.	32/QĐ-HĐQT/2015	23/09/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế thùng carton và gỡ rẻo tự động.
49	40/BB-HĐQT/2015	26/09/2015	Thông nhất chủ trương cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế cho PX Offset.	33/QĐ-HĐQT/2015	26/09/2015	Phê duyệt chủ trương cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế cho PX Offset.
50	41/BB-HĐQT/2015	30/09/2015	Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh rút gọn cho gói thầu cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế PX Offset.	34/QĐ-HĐQT/2015	30/09/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh rút gọn cho gói thầu cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế PX Offset.
51	42/BB-HĐQT/2015	30/09/2015	Thông qua kế hoạch vay vốn năm 2015-2016 phục vụ cho hoạt động SXKD.			
52	43/BB-HĐQT/2015	03/10/2015	Thông nhất tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế hộp và gỡ rẻo tự động.	35/QĐ-HĐQT/2015	03/10/2015	Phê duyệt tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế hộp và gỡ rẻo tự động.
53	44/BB-HĐQT/2015	09/10/2015	Thông nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset và gỡ rẻo tự động.	36/QĐ-HĐQT/2015	09/10/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cung cấp máy bế hộp Offset và gỡ rẻo tự động.
54	44bis/BB-HĐQT/2015	10/10/2015	Thông nhất phê duyệt nhà cung cấp máy bế thùng Carton.	36bis/QĐ-HĐQT/2015	10/10/2015	Phê duyệt nhà cung cấp máy bế thùng Carton.
55	45/BB-HĐQT/2015	12/10/2015	Thông nhất phê duyệt hủy thầu cho gói thầu Cung cấp máy cột tự động.	37/QĐ-HĐQT/2015	12/10/2015	Phê duyệt hủy thầu cho gói thầu Cung cấp máy cột tự động.
56	46/BB-HĐQT/2015	17/10/2015	Thông nhất tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế PX Offset.	38/QĐ-HĐQT/2015	17/10/2015	Phê duyệt tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kết quả đấu thầu gói thầu cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế PX Offset.
57	47/BB-HĐQT/2015	22/10/2015	Thông nhất phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế PX Offset.	39/QĐ-HĐQT/2015	22/10/2015	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế PX Offset.
58	48/BB-HĐQT/2015	27/10/2015	Vay vốn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – VIB.			
59	49/BB-	27/10/2015	Họp HĐQT thường niên lần	08/NQ-	27/10/2015	Họp HĐQT thường niên lần

	HĐQT/2015		3.2015 : Thông qua báo cáo tài chính quý 3 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.	HĐQT/2015		3.2015 : Thông qua báo cáo tài chính quý 3 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.
60	50/BB-HĐQT/2015	19/11/2015	Thông nhất phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.	40/QĐ-HĐQT/2015	19/11/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.
61	51/BB-HĐQT/2015	21/11/2015	Thông nhất phê duyệt hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy cột tự động.	41/QĐ-HĐQT/2015	21/11/2015	Phê duyệt hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá gói thầu cung cấp máy cột tự động.
62	52/BB-HĐQT/2015	28/12/2015	Thông qua việc từ nhiệm thành viên HĐQT & bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.	09/NQ-HĐQT/2015	28/12/2015	Thông qua việc từ nhiệm thành viên HĐQT & bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ▲ Ông TRẦN TRANG BÌNH – Chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty
- ▲ Ông PHẠM VĂN ĐIỀU – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty
- ▲ Bà NGUYỄN THANH NGÂN - Thành viên HĐQT
- ▲ Ông NGUYỄN HOÀNG - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng công ty
- ▲ Ông HOÀNG NGỌC LỰU - Thành viên HĐQT
- ▲ Ông ĐẶNG NGỌC DIỆP - Thành viên HĐQT
- ▲ Ông TRẦN HỮU ĐỨC – Thành viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

Bao gồm Phụ trách kiểm soát bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm, thành viên Ban kiểm soát ông Nguyễn Văn Toàn.

Hoạt động của Ban kiểm soát

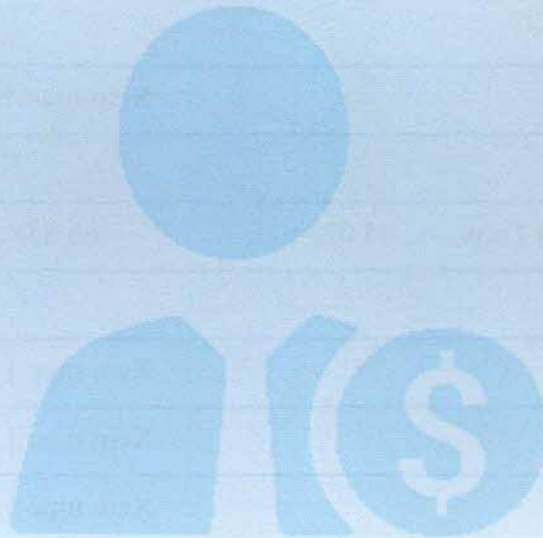
Trong năm 2015 các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch của ĐHĐCĐ, nhiệm vụ của SOVI. BKS đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Doanh nghiệp. Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát tập trung: Kiểm tra giám sát bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, giám sát việc thực hiện chấp hành điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT:

1. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị: HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015.
2. Đánh giá việc điều hành của Ban Tổng giám đốc: Trong năm 2015 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:
 - Tổng Doanh thu 1.341.383 triệu đồng, tăng 18,63% so với năm 2014; Lợi nhuận trước thuế 84.004 triệu đồng, tăng 11,40% so với năm 2014; Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 69.261 triệu đồng, giảm 7,68% so với năm 2014.
 - Vốn và tài sản của Công ty được bảo toàn và tăng trưởng. Vốn điều lệ năm 2015 là 128.324 triệu đồng; Tổng tài sản là 758.722 triệu đồng. Trong năm 2015, Giám đốc công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp và quy định của luật pháp; phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - Tỷ lệ chia cổ tức 20%, trong năm 2015 công ty đã tạm ứng số cổ tức với tỷ lệ 10%/vốn cổ phần.
 - Về công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản: Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 với kế hoạch dự kiến đầu tư 60 tỷ đồng. Tuy nhiên do các thủ tục đấu thầu có liên quan đến nước ngoài phải thực hiện đấu thầu quốc tế do đó công tác đầu tư trong năm chỉ đạt hơn 50 tỷ 442 triệu đồng, bằng 84% kế hoạch.

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Công ty cổ phần Bao bì Biên Hòa có chính sách thưởng định kỳ cho các cá nhân, tập thể cũng như các thành viên trong ban điều hành, những người đã có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung của Công ty hàng năm nhằm khuyến khích động viên cũng như củng cố và gia tăng hiệu quả làm việc, và đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Cụ thể như sau: SOVI tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua hồ sơ giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc với các tiêu chí KPI hàng tháng, từ đó tạo động lực, khuyến khích người mỗi cá nhân cải tiến và nâng cao hiệu suất trong công việc.



Đơn vị: VNĐ

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả (các khoản thưởng tính vào lương)	Thưởng (HĐQT&BKS)
1 Hội đồng quản trị				
1.1	Lê Quốc Tuyên	409.890.000	337.606.799	151.449.152
1.2	Phạm Văn Điều	311.677.159	262.264.454	137.504.237
1.3	Trần Trang Bình	309.742.038	262.069.511	116.586.864
1.4	Nguyễn Thanh Ngân	310.584.827	261.026.873	116.586.864
1.5	Nguyễn Hoàng	222.131.308	180.939.769	116.586.864
1.6	Hoàng Ngọc Lựu	239.619.923	186.145.515	116.586.864
1.7	Đặng Ngọc Diệp	231.979.268	181.866.005	116.586.864
1.8	Trần Hữu Đức			93.543.432
2 Ban kiểm soát				
2.1	Trần Hữu Đức		Xem mục 1.8/1	
2.2	Nguyễn Văn Toàn			34.862.288
2.3	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	84.078.925	66.888.759	34.862.288
3 Ban Giám đốc				
3.1	Lê Quốc Tuyên		Xem mục 1.1/1	
3.2	Phạm Văn Điều		Xem mục 1.2/1	
3.3	Trần Trang Bình		Xem mục 1.3/1	
3.4	Nguyễn Thanh Ngân		Xem mục 1.4/1	
3.5	Nguyễn Hoàng		Xem mục 1.5/1	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Đơn vị: VND

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Quốc Tuyên	CT HĐQT, Giám đốc	69.097	0,65%	82.916	0,65%	Thưởng
2	Phạm Văn Điều	PCT HĐQT, P.Giám đốc	106.422	1,00%	127.706	1,00%	Thưởng
3	Trần Trang Bình	TV HĐQT, P.Giám đốc	99.146	0,93%	118.975	0,93%	Thưởng
4	Nguyễn Thanh Ngân	TV HĐQT, P.Giám đốc	94.608	0,88%	113.529	0,88%	Thưởng
5	Hoàng Ngọc Lựu	TV HĐQT	70.410	0,66%	84.492	0,66%	Thưởng
6	Đặng Ngọc Diệp	TV HĐQT	9.763	0,09%	11.715	0,09%	Thưởng
7	Nguyễn Hoàng	TV HĐQT	5.691	0,05%	6.829	0,05%	Thưởng
8	Trần Hữu Đức	Trưởng BKS	120	0,001%	144	0,001%	Thưởng
9	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	TV. BKS	43.366	0,40%	52.039	0,40%	Thưởng
10	Nguyễn Văn Toan	TV. BKS	45.916	0,43%	55.099	0,43%	Thưởng

GIAO DỊCH KHÁC

Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai (Công ty mẹ)

Đơn vị: VND

STT	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng	9.394.152.160	8.194.644.020
02	Lãi cho vay	-	935.054.168
03	Lãi vay	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31/12/2015

(Đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 40
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015	41

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Toan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYẾN

Số: 16.145/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỖNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		541.773.547.673	466.448.019.126
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	119.668.750.027	82.194.459.355
1. Tiền	111		34.668.750.027	15.194.459.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	67.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.444.733.715	234.468.778.701
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	281.892.155.608	231.562.957.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.3)	4.757.080.439	895.708.393
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	2.352.141.984	2.148.170.788
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(556.644.316)	(138.057.640)
III. Hàng tồn kho	140		132.683.672.400	149.710.195.855
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	132.683.672.400	149.710.195.855
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		976.391.531	74.585.215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.12)	976.391.531	74.585.215
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		217.021.644.749	202.937.223.035
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.278.576.000	2.195.970.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	2.278.576.000	2.195.970.000
II. Tài sản cố định	220		136.674.196.344	152.764.563.140
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	117.984.545.433	133.270.141.494
Nguyên giá	222		375.224.407.061	367.585.594.856
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.239.861.628)	(234.315.453.362)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.8)	18.689.650.911	19.494.421.646
Nguyên giá	225		35.235.817.028	29.390.578.850
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.546.166.117)	(9.896.157.204)
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)		
Nguyên giá	228		1.471.867.089	1.471.867.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.10)	35.150.786.292	694.444.681
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35.150.786.292	694.444.681
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.11)	4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		38.918.086.113	43.282.245.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.12)	36.829.541.073	37.121.145.696
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.10)	2.088.545.040	6.161.099.518
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		758.795.192.422	669.385.242.161

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		464.396.287.029	397.921.393.556
I. Nợ ngắn hạn	310		398.296.316.857	333.385.642.522
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.13)	162.885.662.021	131.953.013.064
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		45.034.263	4.695.804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.14)	3.989.318.053	6.888.033.769
4. Phải trả người lao động	314	(5.15)	26.517.076.252	16.259.647.602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.16)	6.720.294.835	4.421.466.852
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.17)	13.987.756.644	1.269.575.404
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.20)	174.703.460.565	168.662.782.126
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.18)	9.447.714.224	3.926.427.901
II. Nợ dài hạn	330		66.099.970.172	64.535.751.034
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.20)	55.657.244.972	55.913.659.379
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	(5.19)	10.442.725.200	8.622.091.655
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		294.398.905.393	271.463.848.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.21.1)	294.398.905.393	271.463.848.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.21.2)	128.324.370.000	106.978.420.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(408.640.209)	(408.640.209)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.660.181.630	41.794.947.863
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.822.993.972	123.099.120.951
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		90.629.186.605	123.099.120.951
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.193.807.367	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		758.795.192.422	669.385.242.161

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

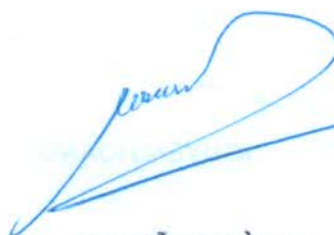
NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH

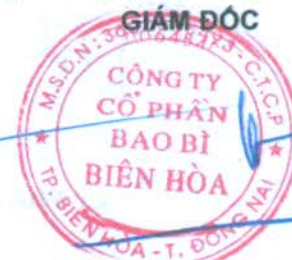
GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT



NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	1.341.455.858.705	1.130.739.726.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		73.165.494	38.585.826
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.341.382.693.211	1.130.701.141.156
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.170.063.704.846	975.754.074.868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		171.318.988.365	154.947.066.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	4.260.353.865	4.050.674.861
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	12.511.857.955	13.038.116.555
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		10.208.062.923	11.648.613.907
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	62.062.287.783	56.825.621.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	18.558.400.056	15.469.392.227
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.446.796.436	73.664.610.714
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	2.803.385.622	2.859.267.437
12. Chi phí khác	32		1.172.845.808	1.115.080.129
13. Lợi nhuận khác	40		1.630.539.814	1.744.187.308
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.077.336.250	75.408.798.022
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	10.678.612.936	10.469.875.684
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.10)	4.072.554.478	620.110.537
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.326.168.836	64.318.811.801
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.21.5)	5.175	4.801
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.21.5)	5.175	4.801

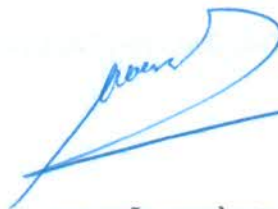
Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH



LÝ PHÁT



NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		84.077.336.250	75.408.798.022
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		30.892.512.867	28.082.321.313
Các khoản dự phòng	03		2.239.220.221	35.485.016
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(30.762.220)	281.359.505
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.728.766.236)	(3.929.393.353)
Chi phí lãi vay	06		10.208.062.923	11.648.613.907
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		122.657.603.805	111.527.184.410
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.039.880.799)	(39.211.895.060)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.026.523.455	(19.562.624.595)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		36.532.009.992	(15.713.962.418)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(627.920.693)	2.994.535.278
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.965.219.503)	(11.701.823.131)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.473.241.570)	(8.969.965.445)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.332.198.746)	(2.493.455.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		98.777.675.941	16.867.994.007
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.067.469.260)	(4.253.898.996)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		550.454.545	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.823.901.135	3.855.448.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.693.113.580)	(398.450.087)

(Phần tiếp theo ở trang 9)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - D1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		743.425.017.159	633.474.113.654
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(737.161.395.807)	(618.217.405.787)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(6.569.150.580)	(1.958.297.971)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.346.909.000)	(21.347.084.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.652.438.228)	(8.048.674.104)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		37.432.124.133	8.420.869.816
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.194.459.355	73.767.750.198
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		42.166.539	5.839.341
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		119.668.750.027	82.194.459.355

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT



NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 09 năm 2015.

Ngày 04 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 1662/TB-TTLK ngày 04/12/2008. Ngày 22 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 503/QĐ-TTGDHN ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 14 tháng 02 năm 2012, Công ty chính thức hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 31/QĐ-SGDHN. Ngày 12 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND, được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	54%	57.336.610.000	54%	
Đối tượng khác	59.520.440.000	46%	49.641.810.000	46%	
Cộng	128.324.370.000	100%	106.978.420.000	100%	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 787 (31/12/2014: 791).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Mỹ Phước	Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.
Văn phòng đại diện	Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.25.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị; bản quyền phần mềm;... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí bản quyền Microsoft được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2015</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
+ Tài sản cố định khác	04 năm

4.10. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.11. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê với thời gian khấu hao là 5 năm.

4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư các pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.15. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí vận chuyển; chi phí gia công; chi phí lãi vay,... được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.18. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.21. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.25. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	2.148.170.788	1.860.345.388
Tài sản ngắn hạn khác	-	287.825.400
Phải thu dài hạn khác	2.195.970.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tài sản ngắn hạn khác	-	2.195.970.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.421.466.852	13.043.558.507
Dự phòng phải trả dài hạn	8.622.091.655	-
Quỹ đầu tư phát triển	41.794.947.863	31.097.105.863
Quỹ dự phòng tài chính	-	10.697.842.000

Báo cáo kết quả kinh doanh (Trích)**VND**

	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.801	5.122

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được hồi tố lại do Công ty phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ trong năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông hiệu hữu với tỷ lệ 20%.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)**VND**

	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.253.898.996)	(20.245.294.690)
Tiền thu từ đi vay	633.474.113.654	649.465.509.348

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng, ký quỹ ký cược ngắn hạn	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ ký cược dài hạn	Trình bày là phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác
Quỹ dự phòng tài chính	Trình bày là quỹ đầu tư phát triển	Trình bày là quỹ dự phòng tài chính

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	19.613.629	48.819.350
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.649.136.398	15.145.640.005
Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	67.000.000.000
Cộng	<u>119.668.750.027</u>	<u>82.194.459.355</u>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Liên doanh Unilever Việt Nam	67.801.091.142	45.242.957.489
Các khách hàng khác	214.091.064.466	186.319.999.671
Cộng	<u>281.892.155.608</u>	<u>231.562.957.160</u>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan
- Xem thêm mục 9:

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	1.539.029.250	494.779.010
---	---------------	-------------

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng là 90 tỷ đồng và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.20.

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Sunrise Pacific	2.680.800.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên Phát	1.778.350.000	-
Các người bán khác	297.930.439	895.708.393
Cộng	<u>4.757.080.439</u>	<u>895.708.393</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.4. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	205.000.000	-	287.825.400	-
Thuế giá trị gia tăng máy in 3 màu	1.710.220.984	-	1.753.613.985	-
Lãi tiền gửi	428.355.000	-	73.944.444	-
Phải thu khác	8.566.000	-	32.786.959	-
Cộng	<u>2.352.141.984</u>	<u>-</u>	<u>2.148.170.788</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Ký quỹ thuê tài sản thuê tài chính	2.266.476.000	-	2.183.870.000	-
Ký quỹ khác	12.100.000	-	12.100.000	-
Cộng	<u>2.278.576.000</u>	<u>-</u>	<u>2.195.970.000</u>	<u>-</u>

5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc nhưng khó có khả năng thu hồi	1.074.540.810	517.896.494	353.737.020	215.679.380

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Mỹ Đức	308.698.350	120.642.222	Trên 1 năm	215.287.120	150.700.984	Trên 6 tháng
Công ty CP Nước Khoáng Vital	423.504.740	211.752.370	Trên 1 năm	-	-	
Các khách hàng khác	342.337.720	185.501.902	Trên 6 tháng	138.449.900	64.978.396	Trên 6 tháng
Cộng	<u>1.074.540.810</u>	<u>517.896.494</u>		<u>353.737.020</u>	<u>215.679.380</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	3.896.454.032	-	16.502.873.905	-
Nguyên liệu, vật liệu	118.133.833.597	-	118.932.801.729	-
Công cụ, dụng cụ	192.300.533	-	547.312.955	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.055.954.010	-	4.514.113.118	-
Thành phẩm	6.405.130.228	-	9.213.094.148	-
Cộng	<u>132.683.672.400</u>	<u>-</u>	<u>149.710.195.855</u>	<u>-</u>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.20.

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục						VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	131.826.534.254	218.455.332.662	10.228.432.316	6.601.599.806	473.695.818	367.585.594.856
Mua trong năm	505.658.251	8.330.309.642	-	120.940.000	-	8.956.907.893
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.318.095.688)	-	-	-	(1.318.095.688)
Số dư cuối năm	<u>132.332.192.505</u>	<u>225.467.546.616</u>	<u>10.228.432.316</u>	<u>6.722.539.806</u>	<u>473.695.818</u>	<u>375.224.407.061</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	32.042.389.500	187.900.137.873	8.327.563.531	5.666.882.353	378.480.105	234.315.453.362
Khấu hao trong năm	5.475.181.813	17.145.640.976	672.135.018	877.892.932	71.653.215	24.242.503.954
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.318.095.688)	-	-	-	(1.318.095.688)
Số dư cuối năm	<u>37.517.571.313</u>	<u>203.727.683.161</u>	<u>8.999.698.549</u>	<u>6.544.775.285</u>	<u>450.133.320</u>	<u>257.239.861.628</u>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	99.784.144.754	30.555.194.789	1.900.868.785	934.717.453	95.215.713	133.270.141.494
Tại ngày cuối năm	<u>94.814.621.192</u>	<u>21.739.863.455</u>	<u>1.228.733.767</u>	<u>177.764.521</u>	<u>23.562.498</u>	<u>117.984.545.433</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 145.003.042.725 đồng - Xem thêm mục 5.20.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 151.644.085.395 đồng.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

VND

Khoản mục Máy móc, thiết bị

Nguyên giá:

Số dư đầu năm 29.390.578.850

Thuê tài chính trong năm 5.845.238.178

Số dư cuối năm 35.235.817.028

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm 9.896.157.204

Khấu hao trong năm 6.650.008.913

Số dư cuối năm 16.546.166.117

Giá trị còn lại:

Tại ngày đầu năm 19.494.421.646

Tại ngày cuối năm 18.689.650.911

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

VND

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
-----------	--------------------	------------------	-------------------	-----------

Nguyên giá:

Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
---------------	-------------	---------------	------------	---------------

Số dư cuối năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
-----------------------	--------------------	----------------------	-------------------	----------------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
---------------	-------------	---------------	------------	---------------

Số dư cuối năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
-----------------------	--------------------	----------------------	-------------------	----------------------

Giá trị còn lại:

Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
------------------	---	---	---	---

Tại ngày cuối năm	-	-	-	-
--------------------------	----------	----------	----------	----------

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Chi phí đầu tư máy in Offset 6 màu	29.907.328.182	-
Chi phí đầu tư máy bẻ Offset	4.167.543.110	-
Chi phí khác	1.075.915.000	694.444.681
Cộng	<u>35.150.786.292</u>	<u>694.444.681</u>

5.11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Tam Phước với số tiền là 4 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ góp vốn là 1%.

5.12. Chi phí trả trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	707.893.152	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	261.965.044	56.866.215
Các khoản khác	6.533.335	17.719.000
Cộng	<u>976.391.531</u>	<u>74.585.215</u>

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	34.538.898.853	35.402.371.320
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	1.274.277.000	932.482.388
Công cụ dụng cụ xuất dùng	212.396.125	649.966.095
Bản quyền phần mềm Microsoft	781.406.595	-
Các khoản khác	22.562.500	136.325.893
Cộng	<u>36.829.541.073</u>	<u>37.121.145.696</u>

Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	42.658.901.615	42.658.901.615	40.540.423.991	40.540.423.991
Công ty Hiang Seng Fibre Container	37.192.368.902	37.192.368.902	39.057.119.405	39.057.119.405
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	23.920.203.184	23.920.203.184	5.897.492.316	5.897.492.316
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	21.929.880.170	21.929.880.170	23.705.727.650	23.705.727.650
Phải trả cho các người bán khác	37.184.308.150	37.184.308.150	22.752.249.702	22.752.249.702
Cộng	<u>162.885.662.021</u>	<u>162.885.662.021</u>	<u>131.953.013.064</u>	<u>131.953.013.064</u>

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	2.455.131.400	22.433.221.272	23.999.585.052	888.767.620
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.744.050.716	3.744.050.716	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.654.306.531	10.678.612.936	12.473.241.570	1.859.677.897
Thuế thu nhập cá nhân	778.595.838	9.115.125.678	8.652.848.980	1.240.872.536
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	<u>6.888.033.769</u>	<u>45.975.010.602</u>	<u>48.873.726.318</u>	<u>3.989.318.053</u>

5.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí vận chuyển	4.333.952.270	2.170.000.000
Chi phí gia công	139.547.000	524.975.739
Chi phí lãi vay	454.594.720	211.751.300
Các khoản trích trước khác	1.792.200.845	1.514.739.813
Cộng	<u>6.720.294.835</u>	<u>4.421.466.852</u>

5.17. Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	9.184.520	12.183.660
Bảo hiểm xã hội	558.828.743	498.594.222
Bảo hiểm y tế	103.154.447	97.965.057
Bảo hiểm thất nghiệp	45.846.420	43.953.278
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	404.323.377	413.530.295
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.808.312.000	175.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.107.137	203.173.892
Cộng	<u>13.987.756.644</u>	<u>1.269.575.404</u>

5.18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.926.427.901	10.855.549.115
Trích lập trong năm	10.849.367.671	10.101.099.283
Sử dụng trong năm	(5.328.081.348)	(17.030.220.497)
Số dư cuối năm	<u>9.447.714.224</u>	<u>3.926.427.901</u>

5.19. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất và phí hạ tầng phải trả thêm cho Xí Nghiệp Dịch Vụ KCN Giang Điền - Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với đơn vị này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.20. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn:							
Vay ngân hàng	156.628.910.525	156.628.910.525	713.376.697.159	708.161.783.909	151.413.997.275	151.413.997.275	
Vay dài hạn đến hạn trả	10.718.248.870	10.718.248.870	10.718.248.870	11.774.857.600	11.774.857.600	11.774.857.600	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.356.301.170	7.356.301.170	7.356.301.170	5.473.927.251	5.473.927.251	5.473.927.251	
Cộng	<u>174.703.460.565</u>	<u>174.703.460.565</u>	<u>731.451.247.199</u>	<u>725.410.568.760</u>	<u>168.662.782.126</u>	<u>168.662.782.126</u>	
Dài hạn:							
Vay ngân hàng	45.036.707.422	45.036.707.422	23.001.214.331	20.900.014.896	42.935.507.987	42.935.507.987	
Nợ thuê tài chính	10.620.537.550	10.620.537.550	6.903.910.658	9.261.524.500	12.978.151.392	12.978.151.392	
Cộng	<u>55.657.244.972</u>	<u>55.657.244.972</u>	<u>29.905.124.989</u>	<u>30.161.539.396</u>	<u>55.913.659.379</u>	<u>55.913.659.379</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các khoản nợ thuê tài chính - Xem thêm mục 10:

Thời hạn	Năm nay			Năm trước			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	
Từ 1 năm trở xuống	8.576.882.093	1.220.580.923	7.356.301.170	6.869.750.983	1.654.274.991	5.473.927.251	
Trên 1 năm đến 5 năm	11.366.494.352	745.956.802	10.620.537.550	14.312.500.465	1.075.897.814	12.978.151.392	
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-	
Cộng	<u>19.943.376.445</u>	<u>1.966.537.725</u>	<u>17.976.838.720</u>	<u>21.182.251.448</u>	<u>2.730.172.805</u>	<u>18.452.078.643</u>	

Vay ngắn hạn ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 2,1%/năm đến 4,3%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 90 tỷ đồng và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.6.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 96 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 55.754.956.292 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 10.718.248.870 đồng.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nguyên giá của tài sản cố định là 145.003.042.725 đồng - Xem thêm mục 5.7.
- Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HLDL ngày 24 tháng 02 năm 2011 - Xem thêm mục 5.12.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gấp dán tự động Buffalo Omega – 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17.976.838.720 đồng, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 7.356.301.170 đồng - Xem thêm mục 10

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.21. Vốn chủ sở hữu**5.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	106.978.420.000	(408.640.209)	21.449.284.093	102.042.896.500	230.061.960.384
Lãi trong năm trước	-	-	-	64.318.811.801	64.318.811.801
Tăng khác	-	-	8.858.576.321	1.554.308.702	10.412.885.023
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.487.087.449	(11.487.087.449)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(10.101.099.283)	(10.101.099.283)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.347.084.000)	(21.347.084.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.881.625.320)	(1.881.625.320)
Số dư đầu năm nay	<u>106.978.420.000</u>	<u>(408.640.209)</u>	<u>41.794.947.863</u>	<u>123.099.120.951</u>	<u>271.463.848.605</u>
Tăng vốn trong năm nay	21.345.950.000	-	-	(21.345.950.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	69.326.168.836	69.326.168.836
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.865.233.767	(13.865.233.767)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(12.235.891.048)	(12.235.891.048)
Chia cổ tức	-	-	-	(34.155.221.000)	(34.155.221.000)
Số dư cuối năm nay	<u>128.324.370.000</u>	<u>(408.640.209)</u>	<u>55.660.181.630</u>	<u>110.822.993.972</u>	<u>294.398.905.393</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	57.336.610.000
Vốn góp của các đối tượng khác	59.520.440.000	49.641.810.000
Cộng	<u>128.324.370.000</u>	<u>106.978.420.000</u>

5.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	106.978.420.000	106.978.420.000
Vốn góp tăng trong năm	21.345.950.000	-
Vốn góp cuối năm	128.324.370.000	106.978.420.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34.155.221.000	21.347.084.000

5.21.4. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.832.437	10.697.842
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng:	12.832.437	10.697.842
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	24.300	24.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.808.137	10.673.542
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

5.21.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	69.326.168.836	64.318.811.801
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.398.925.325)	(9.647.821.770)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.387.023	11.387.023
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>5.175</u>	<u>4.801</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	41.926,62	66.561,80
EUR	300	949,84

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán sản phẩm Carton	1.125.403.350.098	938.016.293.596
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	179.832.007.079	163.532.082.244
Doanh thu bán hàng khác	36.220.501.528	29.191.351.142
Cộng	<u>1.341.455.858.705</u>	<u>1.130.739.726.982</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan
- Xem thêm mục 9:

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	9.394.152.160	8.194.644.020
---	---------------	---------------

6.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.178.311.691	2.994.339.185
Lãi cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ vay	-	935.054.168
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.279.954	121.281.508
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.762.220	-
Cộng	<u>4.260.353.865</u>	<u>4.050.674.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay ngân hàng	10.208.062.923	11.648.613.907
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.303.795.032	1.108.143.143
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	281.359.505
Cộng	<u>12.511.857.955</u>	<u>13.038.116.555</u>

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	23.790.613.226	22.551.872.624
Chi phí vận chuyển	30.463.492.283	26.988.170.285
Chi phí khác	7.808.182.274	7.285.578.744
Cộng	<u>62.062.287.783</u>	<u>56.825.621.653</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.472.679.555	7.807.704.958
Chi phí vật liệu quản lý	181.025.513	122.314.150
Chi phí đồ dùng văn phòng	622.693.974	459.390.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.094.070	506.286.227
Thuế, phí, lệ phí	342.456.947	116.661.910
Chi phí dự phòng	418.586.676	35.485.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	995.880.095	1.017.695.055
Chi phí bằng tiền khác	5.186.983.226	5.403.854.334
Cộng	<u>18.558.400.056</u>	<u>15.469.392.227</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường	561.477.367	198.927.218
Thu từ bán phế liệu	358.851.925	316.592.094
Hoàn nhập quyết toán thuế TNCN NVKD	-	1.407.326.752
Thu thanh lý tài sản cố định	550.454.545	-
Thu nhập khác	1.332.601.785	936.421.373
Cộng	<u>2.803.385.622</u>	<u>2.859.267.437</u>

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	999.288.169.337	854.650.542.427
Chi phí nhân công	135.966.057.008	93.092.018.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.892.512.867	28.082.321.313
Chi phí dự phòng	418.586.676	35.485.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.479.172.319	49.037.803.065
Chi phí bằng tiền khác	28.906.017.506	25.076.901.950
Cộng	<u>1.253.950.515.713</u>	<u>1.049.975.072.567</u>

(Phần tiếp theo ở trang 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.678.612.936	10.469.875.684
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>10.678.612.936</u>	<u>10.469.875.684</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	84.077.336.250	75.408.798.022
Lợi nhuận kế toán Chi nhánh Mỹ Phước	(19.382.906.153)	(11.440.775.912)
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng	2.473.738.468	2.498.240.455
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm	(39.188.074)	-
Trừ: thu nhập chịu thuế suất 22%	<u>(8.703.798.031)</u>	<u>(7.141.947.131)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	58.425.182.460	59.324.315.434
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	8.763.777.369	8.898.647.315
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 22%	1.914.835.567	1.571.228.369
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>10.678.612.936</u>	<u>10.469.875.684</u>

Khoản lãi phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước không tính thuế thu nhập doanh nghiệp do chuyển lỗ từ các năm trước của chi nhánh và được trừ khỏi lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm.

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Lỗ tính thuế chưa sử dụng	Chi phí trích trước	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	5.845.470.521	-	5.845.470.521
Hạch toán giảm lợi nhuận từ chênh lệch thuế suất TNDN hoãn lại năm 2012 và 2013	(701.456.463)	-	(701.456.463)
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2014	(2.516.970.701)	1.896.860.164	(620.110.537)
Hạch toán giảm lợi nhuận trong năm 2013	1.637.195.997	-	1.637.195.997
Số dư đầu năm nay	<u>4.264.239.354</u>	<u>1.896.860.164</u>	<u>6.161.099.518</u>
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2015	(4.264.239.354)	191.684.876	(4.072.554.478)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>2.088.545.040</u>	<u>2.088.545.040</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	5.542.025.858	15.991.395.694

7.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	743.425.017.159	633.474.113.654

7.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	737.165.513.205	618.217.405.787

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Đồng Nai
- Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: triệu đồng

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu Công ty								
Từ khách hàng bên ngoài	1.174.821	1.014.162	166.561	116.539	-	-	1.341.382	1.130.701
Giữa các bộ phận	152.963	143.061	363.481	290.894	(516.444)	(433.955)	-	-
Tổng cộng	1.327.784	1.157.223	530.042	407.433	(516.444)	(433.955)	1.341.382	1.130.701
Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty								
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận khác	58.031	64.289	32.667	18.363	-	-	90.698	82.652
Thu nhập tài chính							4.260	4.051
Chi phí tài chính							(12.512)	(13.038)
Lợi nhuận khác							1.631	1.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(14.751)	(11.090)
Lợi nhuận Công ty sau thuế							69.326	64.319

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các thông tin khác*Đơn vị tính: triệu đồng*

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	700.560	642.925	214.536	231.923	(156.301)	(205.463)	758.795	669.385
Nợ phải trả của bộ phận	406.162	353.975	27.364	64.134	30.870	(20.188)	464.396	397.921

Đơn vị tính: triệu đồng

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	43.425	19.306	11.128	17.745	(10.854)	(16.851)	43.699	20.200
Chi phí khấu hao	3.709	3.792	27.184	24.290	-	-	30.893	28.082

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề sản xuất bao bì từ giấy, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

(Phần tiếp theo ở trang 39)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai Công ty mẹ
- Ông Lê Quốc Tuyên Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu		
Công ty mẹ - Xem thêm mục 5.2	1.539.029.250	494.779.010

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng:		
Công ty mẹ - Xem thêm mục 6.1	9.394.152.160	8.194.644.020

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.386.523.377	1.286.376.236
Thu nhập của Giám đốc	932.656.121	832.293.247
Cộng	<u>2.319.179.498</u>	<u>2.118.669.483</u>

10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gói dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.20	17.976.838.720	18.452.078.643

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	7.356.301.170	5.473.927.251
Dài hạn	10.620.537.550	12.978.151.392
Cộng	<u>17.976.838.720</u>	<u>18.452.078.643</u>

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 02 năm 2016.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT

NGUYỄN HOÀNG

LÊ QUỐC TUYÊN

Phu lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015

1. Phải thu khách hàng:

	Số tiền
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	67.801.091.142
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	15.282.936.119
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	14.360.746.774
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	12.719.549.856
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	12.517.474.850
Công ty Pepsico Việt Nam	12.145.662.688
Công ty TNHH NGK Coca – Cola Việt Nam	7.687.111.318
Công ty Kimberly – Clark Việt Nam	6.680.675.940
Công ty Cổ phần Uniben	6.615.186.876
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	6.418.089.403
Khác	119.663.630.642
Cộng	<u>281.892.155.608</u>

2. Phải trả người bán:

	Số tiền
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	42.658.901.615
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	37.192.368.902
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	23.920.203.184
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	21.929.880.170
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	5.215.859.660
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	4.014.938.180
Công ty TNHH Thiết bị Chén bản Điện tử Thăng Long	2.982.000.000
Công ty TNHH SX TM Tân Đông Dương	2.472.149.900
Khác	22.499.360.410
Cộng	<u>162.885.662.021</u>



**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**



Lê Quốc Tuyên



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 7, Phường An Bình,

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại: (84 – 061) 3 836 121 – 3 836 122

Fax: (84 – 061) 3 832 939

